

Chỉ đạo nội dung:

Thượng tá, Thạc sỹ Mạc Thùy Dương

Biên tập:

Trung tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương

Thực hiện:

Đại úy QNCN, Cử nhân Bùi Khắc Phúc

Thiết kế bìa:

Thiếu úy, Kỹ sư Nguyễn Văn Nam

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về, Thư viện Quân đội biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 2 - 2022.

Thư mục gồm 2 phần:

- Phần I: Danh mục tài liệu mới: Giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.
- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN - THƯ MỤC - MÁY TÍNH
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

83 Lý Nam Đế - Hà Nội

Điện thoại: 069.554556

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp

Thuvienquandoi@gmail.com

Website: Thuvienquandoi.vn

PHẦN I: DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI

000 - TỔNG QUÁT

001. *An ninh mạng trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0/*
Trần Văn Hòa biên soạn. - H.: Thông tin và truyền thông,
2020. - 307tr.; 24cm.

005.8 A105N/M.0177172 - M.0177173;
MP.0037081; VV.0018290 - VV.0018291

002. *Giáo trình các tổ chức quốc tế/**Bùi Hồng Hạnh.* - H.: Đại
học quốc gia Hà Nội, 2018. - 238tr.; 24cm.

060.711 Gi-108T/M.0177951 - M.0177952;
VV.0018540 - VV.0018541

003. *Nâng cao chất lượng xuất bản sách lý luận chính trị*
phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý
ở Việt Nam hiện nay/ *Dương Trung Ý chủ biên.* - H.: Lý luận
chính trị, 2019. - 222tr.; 21cm.

070.509597 N122C/VN.0082244 - VN.0082245

004. *Nghiên cứu từ điển và bách khoa thư/**Nguyễn Huy Bình,*
Nguyễn Văn Lợi,.... - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 507tr.;
21cm.

030.72 Ngh305C/VN.0082256 - VN.0082257

005. *Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật - 75 năm xây*
dựng và phát triển (1945 - 2020). - H.: Chính trị quốc gia,
2020. - 287tr.; 24cm.

070.59509597 Nh100X/VV.0018121, VV.0018414

006. Sổ tay phòng chống mã độc và tấn công mạng cho người dùng máy tính/ Biên soạn: Hoàng Thành Nam, Phạm Duy Trung, Nguyễn Quốc Toàn. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 259tr.; 21cm.

**005.84 S450T/M.0177168 - M.0177169;
MP.0037077 - MP.0037078**

007. Thực trạng và các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác nguồn tin khoa học nội sinh tại Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. - H.: Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 2006. - 162tr.; 30cm

025.2 Th552T/T.0024566

100 - TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

008. Bài học cuộc đời từ những rừng cây/ Jong-young Woo; Liên Hương dịch. - H.: Văn học, 2021. - 276tr.; 20cm.

158.1 B103H/M.0178463 - M.0178464

009. Buông bỏ quá khứ sống đời dũng cảm/ Kate Swoboda, Bari Tessler; Cát dịch. - H.: Thanh niên, 2019. - 246tr.; 21cm.

**158.1 B518B/M.0177893 - M.0177894;
MP.0037753 - MP.0037754**

010. Các vấn đề của triết học/ Bertrand Russell; Huỳnh Duy Thanh dịch. - H.: Khoa học xã hội, 20219. - 167tr.; 21cm.

**110 C101V/M.0177204 - M.0177205;
MP.0037105 - MP.0037106; VN.0081988 - VN.0081989**

011. Chậm lại một chút: Nghệ thuật nghỉ ngơi trong cuộc sống

hiện đại/ *Claudia Hammond; Trang Quách dịch.* - H.: Thế giới, 2020. - 382tr.; 21cm.

**158.1 Ch120L/M.0177027 - M.0177028;
MP.0036979 - MP.0036980**

012. *Ghi chép về tự do*/ Nguyễn Văn Trọng. - Tái bản lần thứ nhất. - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 281tr.; 20cm.

**123.5 Gh300C/M.0177124 - M.0177125;
MP.0037036 - MP.0037037; VN.0081956 - VN.0081957**

013. *Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh toàn cầu hóa*/ Chủ biên: Nguyễn Hữu Toàn, Nguyễn Thị Khương. - Thái Nguyên: Nxb. Đại học Thái Nguyên, 2019. - 199tr.; 21cm.

**172.108309597 Gi-108D/M.0177713; VN.0082297 -
VN.0082298**

014. *Lịch sử tư tưởng Việt Nam và Phật giáo trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.* - H.: Nxb. Đại học Sư phạm, 2020. - 597tr.; 21cm.

**181.197 L302S/M.0177136 - M.0177137;
MP.0037047; VN.0081966 - VN.0081967**

015. *Nho học và lịch sử tư tưởng Việt Nam*/ Nguyễn Tài Thư. - H.: Đại học Sư phạm, 2020. - 839tr.; 21cm.

**181.11209597 Nh400H/M.0177993 - M.0177994;
MP.0037799 - MP.0037800**

016. *Sau ánh hào quang*/ Leslie Odom Jr.; Nguyễn Tường Văn dịch. - H.: Thế giới, 2019. - 199tr.; 21cm.

**158.1 S111A/M.0177018 - M.0177019;
MP.0036973 - MP.0036974**

017. *Tôi thích bản thân nỗ lực hơn/ Chu Xung; Tú Phương dịch.* - Tái bản. - H.: Văn học, 2021. - 374tr.; 21cm.

158.1 T452T/M.0178429 - M.0178430

018. *Tôi ơi đừng tuyệt vọng/ Hiroki Kashiragi, Miyuki Lê dịch.*
- H.: Nxb. Hà nội, 2020. - 168tr.; 20cm.

**152.4 T452O/M.0177919 - M.0177920;
MP.0037778 - MP.0037779**

200 - TÔN GIÁO

019. *Hành trình sinh tử: Quá trình chuẩn bị cho lúc cận tử, chết, và sau khi chết/ Dzongsar Jamyang Khyentse; Lạc Hải Âm dịch.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 339tr.; 21cm.

**294.3423 H107T/M.0177218 - M.0177219;
MP.0037119 - MP.0037120**

020. *Những điều tôi tin: What I Believe/ Bertrand Russell, Huỳnh Duy Thanh dịch.* - Tái bản lần 1. - H.: Khoa học xã hội, 2019. - 72tr.; 21cm.

**234.2 Nh556Đ/M.0177925 - M.0177926;
MP.0037784 - MP.0037785**

021. *Phật giáo và sức khỏe tâm lý: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Minh Hằng chủ biên, Đặng Hoàng Ngân.* - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2019. - 562tr.; 24cm.

**294.3 Ph124G/M.0177965 - M.0177966;
MP.0037792 - MP.0037793**

**022. *Tôn giáo học từ nhiều cách tiếp cận/ Peter Connolly;
Chu Tiến Ánh dịch.*** - H.: Tri thức, 2018. - 439tr.; 24cm.

**200.72 T454G/M.0177947 - M.0177948;
VV.0018536 - VV.0018537**

300 - KHOA HỌC XÃ HỘI

023. *Cẩm nang chuyển đổi số.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 103tr.; 21cm.

**303.4833 C120N/M.0177152 - M.0177153;
MP.0037062 - MP.0037063**

024. *Cộng đồng ngư dân ở Việt Nam/ Nguyễn Duy Thiệu.* - Tái bản lần thứ nhất. - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 299tr.; 24cm.

**305.9639209597 C455Đ/M.0177118 -
M.0177119; VV.0018284 - VV.0018285**

025. *Vì sao Trung Quốc cải cách thành công:* Sách tham khảo/ *Tạ Xuân Đào chủ biên.* - H.: Chính trị Quốc gia, 2020. - 399tr.; 21cm.

303.4840951 V300S/VN.0082306 - VN.0082307

026. *Di dân của các dân tộc thiểu số - Những vấn đề đặt ra và giải pháp:* Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Đình Tấn chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 466tr.; 21cm.

**307.2 D300D/M.0177680; VN.0082248 -
VN.0082249**

027. *Đi suốt đường vui/ Đỗ Quang Tuấn Hoàng.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 293tr.; 24cm.

**306.09597 Đ300S/M.0177495 - M.0177496;
MP.0037402 - MP.0037403**

028. *Đô thị hóa và tăng trưởng.* - H.: Knxb., 2010. - 243tr.; 26cm.

307.76 Đ450T/VV.0018526

029. *Giáo trình hành vi con người và môi trường xã hội/ Nguyễn Hồi Loan, Trần Thu Hương.* - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2018. - 422tr.; 24cm.

**302.0711 Gi-108T/M.0177961 - M.0177962;
MP.0037790 - MP.0037791**

030. *Nâng cao chất lượng bài giảng các môn khoa học xã hội và nhân văn của giảng viên ở các trường đại học trong Quân đội hiện nay: Sách chuyên khảo/ Thân Văn Quân.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 112tr.; 21cm.

**300.711597 N122C/LC.0015575; M.0177820 -
M.0177821; MP.0037710; VN.0082380 - VN.0082381**

031. *Những trào lưu mới trong xã hội Mỹ: 75 xu hướng rất nhỏ tiềm ẩn sức mạnh to lớn thay đổi tương lai/ Mark J. Penn, E. Kinney Zalesne; Ng. dịch: Bảo Bình, Quỳnh Nga, Hà Trang.* - H.: Thế giới, 2009. - 583tr.; 21cm.

306.0973 Nh556T/VN.0082416

032. *Phát triển bền vững đô thị và khả năng thích ứng với nước biển dâng của hệ thống đô thị ở Việt Nam (Qua nghiên*

cứu điểm 03 thành phố Long Xuyên, Cần Thơ và Cà Mau):
Sách chuyên khảo/ *Chủ biên: Đào Hoàng Tuấn, Trần Thị Tuyết.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 287tr.; 24cm.

**307.141609597 Ph110T/M.0177959 - M.0177960;
VV.0018548 - VV.0018549**

033. *Trần Quốc Vượng - Những nghiên cứu về văn hóa Việt Nam/ Trần Quốc Vượng.* - H.: Văn hóa dân tộc, 2020. - 1139tr.; 21cm.

306.09597 Nh556N/VN.0081954 - VN.0081955

034. *Văn hóa Trung Hoa - Lịch sử và hiện tại:* Sách tham khảo. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 434tr.; 24cm.

**306.0951 V115H/M.0177481 - M.0177482;
MP.0037388 - MP.0037389; VV.0018389 - VV.0018390**

035. *Vì một nền văn hóa dân tộc, hiện đại:* Mấy vấn đề cấp thiết trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa con người nước ta hiện nay/ *Trần Văn Bính.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 216tr.; 21cm.

**306.09597 V300M/M.0177154 - M.0177155;
MP.0037064; VN.0081974 - VN.0081975**

320 - Khoa học Chính trị

036. *Cơ hội và thách thức chủ yếu hiện nay đối với vai trò chính trị của Đảng Cộng sản Pháp tại Châu Âu và đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 119tr.; 21cm.

320.09597 C460H/VN.0082302 - VN.0082303

037. Phòng, chống "Diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - Mệnh lệnh của cuộc sống/ Nguyễn Bá Dương. - H.: Chính trị quốc gia, 2015. - 343tr.; 21cm.

320.509597 Ph431C/M.0177889; VN.0082425 - VN.0082426

038. Sóng nước Trường Sa: Ký/ Bình Vũ. - H.: Thanh Niên, 2017. - 259tr.; 21cm.

320.1509597 S431N/M.0177138 - M.0177139; MP.0037048 - MP.0037049; VN.0081968 - VN.0081969

039. Tâm nhìn, định vị chiến lược và phát triển Việt Nam/ Nhị Lê. - H.: Lý luận chính trị, 2020. - 507tr.; 24cm.

320.09597 T120N/VV.0018429 - VV.0018430

040. Thuyết âm mưu và chủ nghĩa dân túy: Chính trị học về thông tin sai lệch/ Eirikur Bergmann; Ng.dịch: Nguyễn Vương Tuấn, Đào Thị Hồng Hạnh, Trương Hoàng Anh Thư. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 295tr.; 24cm.

320.5662 Th528Â/VV.0018413

324 - Quá trình chính trị

041. Bảo vệ nền tảng tư tưởng, quan điểm, đường lối của Đảng trong tình hình hiện nay/ Phạm Văn Sơn chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 218tr.; 21cm.

324.2597075 B108V/M.0177613 - M.0177614; MP.0037520; VN.0082202 - VN.0082203

042. Cẩm nang công tác Đảng - Hỏi và đáp những tình huống thường gặp dành cho bí thư Đảng bộ, Chi bộ. - H.: Thế giới, 2020. - 391tr.; 28cm.

324.2597075 C120N/VV.0018275

043. Đảng Cộng sản Việt Nam - Trí tuệ, bản lĩnh, đổi mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 959tr.; 24cm.

324.2597075 Đ106C/VV.0018435 - VV.0018436

044. Đấu tranh phòng, chống các quan điểm sai trái, phản động hiện nay: Sách tham khảo/ Nguyễn Bá Hùng chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 218tr.; 21cm.

**324.2597075 Đ125T/LC.0015760 - LC.0015761;
M.0177802 - M.0177803; MP.0037697; VN.0082364 -
VN.0082365**

045. Hồ Chí Minh - Người xây dựng Đảng cộng sản và chính quyền nhà nước kiểu mới Việt Nam/ Trần Đình Huỳnh, Đỗ Minh Tuấn. - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 172tr.; 21cm.

**324.2597075 H450C/M.0177208 - M.0177209;
MP.0037109 - MP.0037110; VN.0081992 - VN.0081993**

046. Lịch sử Đảng bộ Học viện Hải quân (1955 - 2020). - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 296tr.; 24cm.

**324.2597075 L302S/LCV.0002466 -
LCV.0002467; MP.0037622 - MP.0037623; VV.0018512 -
VV.0018513**

047. *Lịch sử Đảng bộ Lữ đoàn tăng - Thiết giáp 409 (1984 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 362tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0015496; MP.0037342 - MP.0037343; VN.0082128 - VN.0082129

048. *Lịch sử Đảng bộ Lữ đoàn 127 (1978 - 2020)/ Lê Văn Hưởng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 365tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/LC.0015736; MP.0037650 - MP.0037651; VN.0082330 - VN.0082331

049. *Lịch sử đảng bộ quân sự tỉnh Quảng Nam (1945 - 2020)/ Trần Văn Giáp chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 614tr.; 21cm.

324.2597075 L302S/MP.0037273 - MP.0037274; VN.0082060 - VN.0082061

050. *Lịch sử Đảng bộ Sư đoàn 346 (1978 - 2020)/ Biên soạn: Nguyễn Cao Khánh,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 526tr.; 22cm.

324.2597075 L302S/LC.0015731; MP.0037632 - MP.0037633; VN.0082314 - VN.0082315

051. *Lịch sử Đảng bộ Tổng công ty Thái Sơn (1991 - 2021)/ Lê Hồng Điệp chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 177tr.; 24cm.

324.2597075 L302S/LCV.0002462 - LCV.0002463; MP.0037626 - MP.0037627; VV.0018516 - VV.0018517

052. Một số vấn đề về cách mạng và đổi mới/ Tạ Ngọc Tấn. -
H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 523tr.; 24cm.

324.2597075 M458S/VV.0018431 - VV.0018432

053. Nâng cao chất lượng tham mưu của các ban Đảng Trung ương góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững/ Vũ Văn Phúc chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 283tr.; 24cm.

324.2597075 N122C/VV.0018471

054. Nghệ thuật tập hợp lực lượng của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh thời kỳ 1945 - 1946: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Văn Trường chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 292tr.; 21cm.

324.2597075 Ngh250T/LC.0015995; M.0177404 - M.0177405; MP.0037289; VN.0082082 - VN.0082083

055. Nghiên cứu vấn đề cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc: Sách tham khảo nội bộ/ Lý Lương Đống chủ biên; Ng.dịch: Ngô Thùy Dung,.... - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 431tr.; 24cm.

324.251075 Ngh305C/VV.0018472 - VV.0018473

056. Sổ tay Bí thư Chi đoàn Đại đội. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 150tr.; 21cm.

324.2597014 S450T/LC.0015754 - LC.0015755; M.0177812 - M.0177813; MP.0037703; VN.0082372 - VN.0082373

057. *Tập Cận Bình kể chuyện*: Sách tham khảo/ Ng.dịch: Văn Tân, Thúy Lan, Thanh Huyền. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 519tr.; 24cm.

324.251075

T123C/VV.0018427 - VV.0018428

058. *Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế của lực lượng vũ trang quân khu 2 (1948 - 2015)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 302tr.; 21cm.

324.2597075

T455K/LC.0015247; MP.0037275 - MP.0037276; VN.0082062 - VN.0082063

059. *Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế của Quân đoàn 3 (1953 - 1979)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 352tr.; 21cm.

324.2597075

T455K/LC.0015739; MP.0037336 - MP.0037337; VN.0082122 - VN.0082123

060. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về tính trung thực, trách nhiệm; sự gắn bó với nhân dân; đoàn kết, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh*. - H.: Lao động, 2015. - 321tr.; 21cm.

324.2597075

T550T/M.0177887 - M.0177888; VN.0082423 - VN.0082424

061. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và sự vận dụng trong xây dựng Đảng về đạo đức hiện nay/ Lê Khả Phiêu Chủ biên*. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 367tr.; 24cm.

324.2597075

T550T/VV.0018481

062. *Vai trò lãnh đạo của Đảng và thành quả cách mạng là*

không thể phủ nhận/ Phùng Kim Lân. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 220tr.; 21cm.

**324.2597075 V103T/LC.0015835 - LC.0015836;
M.0177615 - M.0177616; MP.0037521; VN.0082204 -
VN.0082205**

327 – Quan hệ quốc tế

063. *Biển Đông tiếp tục dậy sóng năm 2021/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 129tr.; 30cm*

327.5 B305Đ/T.0024581

064. *Cấu trúc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương: Lý luận và thực tiễn/ Hoàng Khắc Nam chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 415tr.; 21cm.*

327.5 C125T/VN.0082304 - VN.0082305

065. *Chính sách biển Đông của Nhật Bản/ Nguyễn Hữu Bằng. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 112tr.; 30cm*

327.5205 Ch312S/T.0024575

066. *Con bài cách mạng màu trong quan hệ Nga - Mỹ/ Hoàng Kim Trùng. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 106tr.; 30cm*

327.73047 C429B/T.0024583

067. *Góc nhìn từ tư duy quân sự của Trung Quốc với vấn đề*

ở biển Đông/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 129tr.; 30cm

327.5105

G419N/T.0024572

068. *Hiện thực hóa cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN và tác động đến Việt Nam:* Đề tài cấp bộ. - H.: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2012. - 158tr.; 30cm

327.59

H305T/T.0024561

069. *Mục đích quân sự của Trung Quốc ở biển Đông/ Lại Duy Chinh.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 115tr.; 30cm

327.5105

M506Đ/T.0024573

070. *Ngoại giao cường quốc tầm trung:* Lý thuyết, thực tiễn quốc tế và hàm ý cho Việt Nam: Sách tham khảo. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 367tr.; 21cm.

327

Ng404G/M.0177485 - M.0177486;

MP.0037392 - MP.0037393; VN.0082168 - VN.0082169

071. *Quan hệ ngoại giao, kinh tế Việt Nam - Lào trong tình hình mới/ Nguyễn Như Huyền.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 115tr.; 30cm

327.5970594

Qu105H/T.0024588

072. *Quan hệ ngoại giao Nga - Việt Nam trong thời gian qua/ Đặng Trọng Anh.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 126tr.; 30cm

327.470597

Qu105H/T.0024587

073. *Sự ảnh hưởng của Trung Quốc đến quan hệ Campuchia*

- *Việt Nam trong thời gian gần đây*/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 138tr.; 30cm
327.5970596 S550A/T.0024576

074. *Sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn hiện nay*/ Lại Duy Chinh. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 136tr.; 30cm
327 S550Đ/T.0024578

075. *Sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn và ứng phó của Việt Nam*/ Nguyễn Bá Dương chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 251tr.; 21cm.
327.597 S550Đ/VN.0082429

076. *Trụ cột chính trong chiến lược biển Đông của Mỹ*/ Đặng Trọng Anh. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 113tr.; 30cm
327.7305 Tr500C/T.0024584

077. *Tương lai của Việt Nam trong mối quan hệ Việt-Mỹ*/ Hoàng Kim Trường. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 124tr.; 30cm
327.597073 T561L/T.0024569

078. *Ý đồ biển Đông của Trung Quốc*/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 112tr.; 30cm
327.5105 Y600Đ/T.0024570

330 - Kinh tế học

079. *Biên niên các sự kiện kinh tế Việt Nam (1975 - 2008)/*
Đặng Phong, Trần Đình Thiên. - H.: Khoa học xã hội, 2011. -
723tr.; 24cm.

330.9597

B305N/VV.0018533

080. *Các giải pháp đổi mới chính sách tài khóa với việc tái cơ*
cấu nền kinh tế: Hội thảo quốc tế. - H.: Ủy ban tài chính, ngân
sách của Quốc hội, 2012. - 100tr.; 30cm

330.09597

C101G/T.0024564

081. *Các thuyết trình tại Lễ trao Giải thưởng Nobel về khoa*
học kinh tế/ Ng. dịch: Trần Thị Thái Hà, Trần Đình Toán, Vũ
Thị Lanh.... - H.: Chính trị quốc gia, 2020; 24cm.

T.1: 1969 - 1980. - 683tr.

330.079

C101T/VV.0018425 - VV.0018426

T.2 : 1981 - 1990. - 528tr.

330.079

C101T/VV.0018423 - VV.0018424

T.3: 1991 - 1995. - 432tr.

330.079

C101T/VV.0018421 - VV.0018422

T.4 : 1996 - 2002. - 1199tr.

330.079

C101T/VV.0018419 - VV.0018420

T.5 : 2003 - 2010. - 858tr.

330.079

C101T/VV.0018417 - VV.0018418

T.6: 2011 - 2019. - 848tr.

330.079 C101T/VV.0018440 - VV.0018441

082. Hoàn thiện các chính sách kinh tế vĩ mô trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam: Nghiên cứu khoa học. - H.: Trường Đại học Kinh tế, 2009. - 146tr.; 30cm

330.09597 H406T/T.0024560

083. Lưỡng hội 2021 và tương lai kinh tế Trung Quốc/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 123tr.; 30cm

330.0951 L561H/T.0024585

084. Thực trạng nền kinh tế Nga thời kỳ Xô Viết và hiện nay: Sách tham khảo nội bộ/ YuruSaveliev; Cù Thanh Phong dịch. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - t350r.; 24cm.

330.947 Th552T/VV.0018468

085. Trung Quốc: Mặt trái của tấm bình phong/ Nguyễn Như Huyền. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 119tr.; 30cm

330.0951 Tr513Q/T.0024577

335 – Chủ nghĩa xã hội và hệ thống có liên quan

086. Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới, phát triển và bảo vệ Tổ quốc/ Vũ Thiên Bình. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 920tr.; 24cm.

**335.4346 Ch500T/M.0178619 - M.0178620;
MP.0038326 - MP.0038327; VV.0018437 - VV.0018438**

087. *Học Bác để làm người/ Trần Đình Huỳnh.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 251tr.; 21cm.

**335.4346 H419B/M.0177216 - M.0177217;
MP.0037117 - MP.0037118; VN.0082000 - VN.0082001**

088. *Hồ Chí Minh với việc xây dựng văn hóa và con người Việt Nam.* - H.: Lao động, 2014. - 295tr.; 21cm.

**335.4346 H450C/M.0177890 - M.0177891;
VN.0082427 - VN.0082428**

089. *Lòng nhân ái và đức khoan dung/ Hoàng Chí Bảo, Trần Thị Minh Tuyết.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 249tr.; 21cm.

**335.4346 L431N/M.0177212 - M.0177213;
MP.0037113 - MP.0037114; VN.0081996 - VN.0081997**

090. *Mẫu mực về đạo đức, đặc sắc về phong cách/ Hoàng Chí Bảo.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 240tr.; 21cm.. - (Tấm gương Bác, Ngọc quý của mọi nhà)

**335.4346 M125M/M.0177214 - M.0177215;
MP.0037115 - MP.0037116; VN.0081998 - VN.0081999**

091. *Sổ tay học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh - Những mẫu chuyện về tấm gương đạo đức của Người theo chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính Trị.* - H.: Lao động - Xã hội, 2020. - 391tr.; 27cm.

**335.4346 S450T/M.0177102 - M.0177103;
VV.0018273 - VV.0018274**

092. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - Giá trị lý luận và thực*

tiến trong thời đại ngày nay: Kỷ yếu hội thảo quốc tế. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 640tr.; 24cm.

335.42 T527N/VV.0018467

093. Tư tưởng V.I. Lênin về đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội - Sự vận dụng của Đảng trong thời kỳ đổi mới: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Văn Cường. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 247tr.; 21cm.

335.43 T550T/LC.0016563 - LC.0016564;
M.0177617 - M.0177618; MP.0037522; VN.0082206 - VN.0082207

094. 70 năm tác phẩm Cần kiệm liêm chính của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 347tr.; 24cm.

335.4346 B112M/VV.0018474

338 – Sản xuất

095. Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2010: Lựa chọn để tăng trưởng bền vững/ Nguyễn Đức Thành chủ biên. - H.: Tri thức, 2010. - 415tr.; 24cm.

338.9597 B108C/VV.0018530

096. Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2011: Nền kinh tế trước ngã ba đường: Nền kinh tế trước ngã ba đường/ Nguyễn Đức Thành chủ biên. - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2011. - 448tr.; 24cm.

338.9597 B108C/VV.0018529

097. Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2012: Đối diện thách thức tái cơ cấu kinh tế/ Nguyễn Đức Thành chủ biên. - H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2012. - 497tr.; 24cm.

338.9597

B108C/VV.0018527 - VV.0018528

098. Đặc khu kinh tế và con đường Trung Quốc: Sách tham khảo/ Chủ biên: Đào Nhất Đào, Lỗ Chí Quốc; Quách Quang Hồng dịch. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 783tr.; 24cm.

338.951

Đ113K/VV.0018433 - VV.0018434

099. Kinh tế tư nhân ở Việt Nam trong 30 năm đổi mới (1986-2016)/ Lê Quốc Lý chủ biên. - H.: Lý luận chính trị, 2019. - 326tr.; 21cm.

338.9597

K312T/VN.0082236 - VN.0082237

100. Một số vấn đề về liên kết vùng trong phát triển bền vững Tây Nguyên: Sách chuyên khảo/ Lê Anh Vũ chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2017. - 334tr.; 24cm.

338.9597607

M458S/M.0177943 - M.0177944;

VV.0017082 - VV.0017083

101. Những đề chế độc quyền thời hiện đại: Những yếu tố cần thiết để thống trị nền kinh tế thế kỷ 21/ Alex Moazed, Nicholas L. Johnson; Lại Hồng Vân dịch. - H.: Lao động, 2019. - 419tr.; 21cm.

338.82

Nh556Đ/M.0177016 - M.0177017;

MP.0036971 - MP.0036972

102. *Những hòn đá nhỏ vì sự phát triển bền vững/ Nguyễn Ngọc Trân.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2011. - 497tr.; 20cm.
338.9597 Nh556H/M.0177892

103. *Tác động của hiệp định thương mại tự do đến phát triển nông nghiệp ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long.* - H.: Lý luận chính trị, 2019. - 234tr.; 21cm.
338.109597 T101Đ/VN.0082234 - VN.0082235

104. *Vai trò của các dân tộc thiểu số tại chỗ trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên/ Bùi Minh Đạo.* - H.: Khoa học xã hội, 2017. - 259tr.; 24cm.
**338.95976 V103T/M.0177945 - M.0177946;
VV.0017084 - VV.0017085**

340 – Luật pháp

105. *Luật lực lượng dự bị động viên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 46tr.; 19cm.
**343.59701537 L504L/LC.0015671 - LC.0015672;
MP.0037721 - MP.0037722; VN.0082388 - VN.0082389**

106. *Một số nghiên cứu hiện đại về tòa án: Sách tham khảo/ Đỗ Minh Khôi, Huỳnh Thị Sinh Hiền, Phạm Thị Phương Thảo.* - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 263tr.; 21cm.
**347.01 M458S/M.0177487 - M.0177488;
MP.0037394 - MP.0037395; VN.0082170 - VN.0082171**

107. *Quyền công đoàn của người lao động trong các doanh*

nghiệp ở Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Vũ Anh Đức chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 203tr.; 21cm.

344.5970188 Qu603C/M.0177679; VN.0082246 - VN.0082247

108. *Sổ tay pháp luật Cảnh sát biển Việt Nam.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 324tr.; 21cm.

**343.59701997 S450T/LC.0015309 - LC.0015310;
M.0177387 - M.0177388; MP.0037280; VN.0082068 - VN.0082069**

109. *So sánh Luật doanh nghiệp năm 2020 với Luật doanh nghiệp năm 2014/ Phạm Thanh Hữu.* - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 535tr.; 21cm.

**346.59707 S400S/M.0177483 - M.0177484;
MP.0037390 - MP.0037391; VN.0082166 - VN.0082167**

110. *Tổng quan về Luật hình sự Việt Nam:* Tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho giảng viên, sinh viên, học viên ngành Luật/ *Trịnh Tiến Việt.* - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 534tr.; 24cm.

**345.597 T455Q/M.0177479 - M.0177480;
MP.0037386 - MP.0037387; VV.0018387 - VV.0018388**

111. *Việt án lần theo trang sử cũ/ Trần Đình Ba.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018. - 475tr.; 24cm.

**348.597 V308A/M.0177949 - M.0177950;
VV.0018538 - VV.0018539**

350 – Hành chính công và khoa học quân sự

112. Một số nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Vi Thị Hương Lan chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 139tr.; 21cm.

**353.533909597 M458S/LC.0016576 - LC.0016577;
M.0177804 - M.0177805; MP.0037698; VN.0082366 -
VN.0082367**

113. Quản trị tốt và phòng, chống tham nhũng: Sách chuyên khảo/ *Vũ Công Giao chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 348tr.; 24cm.

353.4609597 Qu105T/VV.0018469

114. Quyết định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước Việt Nam: Sách chuyên khảo/ *Chủ biên: Phạm Hồng Thái, Nguyễn Minh Phú.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 570tr.; 21cm.

**352.3309597 Qu605Đ/M.0177671; VN.0082232 -
VN.0082233**

115. Các định chế pháp lý trong quản lý nhà nước đối với các loại hình và phương thức kinh doanh ngành hàng dệt may, da giày, thủ công mỹ nghệ trên thị trường nội địa nước ta hiện nay: Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ. - H.: Đại học Thương mại Hà Nội, 2019. - 156tr.; 30cm

354.7309597 C101Đ/T.0024563

116. Bảo đảm tài chính cho công tác quân sự địa phương ở Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Nguyễn Anh Minh*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 104tr.; 30cm + + Phụ lục

355.62209597 B108Đ/LV.00009899

117. Bộ quy trình hướng dẫn phòng, chống dịch Covid-19. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 100tr.; 19cm.

355.34509597 B450Q/LC.0015467 - LC.0015468;
MP.0037817 - MP.0037818; VN.0082447 - VN.0082448

118. Các công trình khoa học của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1981 - 2021). - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 647tr.; 24cm.

355.009597 C101C/LCV.0002470 -
LCV.0002471; M.0177766 - M.0177767; MP.0037621;
VV.0018510 - VV.0018511

119. Chiến tranh thông tin trong cuộc chiến lấy mạng làm trung tâm/ Nguyễn Huy Hoàng. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 195tr.; 21cm.

355.00285 Ch305T/M.0177601 - M.0177602;
MP.0037510; VN.0082198 - VN.0082199

120. Có một nhà văn hóa ở miền Trung/ Trịnh Dư Phú chủ biên. - Tái bản lần 1, có sửa chữa và bổ sung. - Nghệ An: Nxb. Nghệ An, 2020. - 303tr.; 21cm.

355.009597 C400M/M.0177692 - M.0177693;
MP.0037568; VN.0082254 - VN.0082255

121. Công tác tiếp nhận, vận chuyển, tổ chức cách ly tập trung trong phòng, chống dịch Covid-19. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 128tr.; 19cm.

355.34509597 C455T/LC.0015469 - LC.0015470;
MP.0037819 - MP.0037820; VN.0082449 - VN.0082450

122. Cục Nhà trường - Biên niên sự kiện (2015 - 2020)/ Trần Hữu Phúc chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 375tr.; 22cm.

355.009597 C506N/LC.0015866; MP.0037334 -
MP.0037335; VN.0082120 - VN.0082121

123. Định hướng thị hiếu thẩm mỹ của học viên các trường Quân đội hiện nay: Sách chuyên khảo/ Phạm Văn Hậu biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 186tr.; 21cm.

355.22320711597 Đ312H/LC.0015742;
M.0177810 - M.0177811; MP.0037702; VN.0082370 -
VN.0082371

124. Đoàn kinh tế - quốc phòng ở phía Bắc Việt Nam tham gia xây dựng hệ thống chính trị cấp cơ sở trên địa bàn hiện nay: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Đại Văn Phú chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 198tr.; 21cm.

355.009597 Đ406K/LC.0015498; M.0177391 -
M.0177392; MP.0037282; VN.0082072 - VN.0082073

125. Đoàn kinh tế - Quốc phòng 92 - Biên niên sự kiện (1999 - 2020)/ Nguyễn Đình Vũ biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 407tr.; 22cm.

355.009597 Đ406K/LC.0015734 - LC.0015735;
MP.0037692 - MP.0037693; VN.0082360 - VN.0082361

126. *Đổi mới quản lý ngân sách tại Kho 190 - Cục Xăng dầu*
- ***Tổng cục Hậu cần***: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng –
bảo hiểm: 8340201/ *Trần Tuấn Anh*. - H.: Học viện Hậu cần,
2019. - 107tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.62209597 Đ452M/LV.00009897

127. *Đổi mới quản lý ngân sách tại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh*
Vĩnh Phúc: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo
hiểm: 8340201/ *Đinh Thanh Tùng*. - H.: Học viện Hậu cần,
2019. - 106tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.62209597 Đ452M/LV.00009895

128. *Đổi mới quản lý ngân sách tại Bộ Tham mưu - Quân*
đoàn 1: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm:
8340201/ *Ninh Huy Điệp*. - H.: Học viện Hậu Cần, 2019. -
105tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.62209597 Đ452M/LV.00009903

129. *Đổi mới quản lý ngân sách tại Bộ Tham mưu - Quân*
khu 2: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm:
8340201/ *Lê Hồng Vũ*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 93tr.;
30cm ++ Phụ lục

355.62209597 Đ452M/LV.00009885

130. *Đổi mới quản lý ngân sách tại Cục Chính trị - Quân khu*
4: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm:
8340201/ *Nguyễn Hữu Hùng*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. -
113tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.62209597 Đ452M/LV.00009901

131. *Đổi mới quản lý ngân sách tại Cục Cơ yếu - Bộ Tổng Tham mưu*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Nguyễn Khánh Vinh*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 98tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.62209597 Đ452M/LV.00009893

132. *Đổi mới quản lý ngân sách tại Cục Giữ gìn hòa bình Việt Nam*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Trần Văn Khánh*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 111r.; 30cm ++ Phụ lục

355.62209597 Đ452M/LV.00009884

133. *Đổi mới quản lý ngân sách tại Lữ đoàn Công Binh 299 - Quân đoàn 1*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Đào Việt Phương*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 106tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.62209597 Đ452M/LV.00009898

134. *Đổi mới quản lý ngân sách tại Lữ đoàn 215 - Binh chủng Tăng Thiết giáp*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Phùng Khắc Thắng*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 105tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.62209597 Đ452M/LV.00009881

135. *Đổi mới quản lý ngân sách tại Lữ đoàn 45 - Binh chủng Pháo Binh*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Nguyễn Văn Chiến*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 96tr.; 30cm ++ Phụ lục

355.62209597 Đ452M/LV.00009890

136. *Đổi mới quản lý ngân sách tại Sư đoàn 304 - Quân đoàn 2*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Lê Đình Vững*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 109tr.; 30cm + + Phụ lục
355.62209597 Đ452M/LV.00009892

137. *Đổi mới quản lý ngân sách tại Viện Kỹ thuật Công binh - Binh chủng Công binh*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Đỗ Ngọc Thanh*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 106tr.; 30cm + + Phụ lục
355.62209597 Đ452M/LV.00009886

138. *Giáo dục chính trị cho học viên các trường sĩ quan quân đội trong tình hình mới*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thái Bảo biên soạn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 163tr.; 21cm.
355.00711597 Gi-108D/LC.0015766; M.0177402 - M.0177403; MP.0037288; VN.0082080 - VN.0082081

139. *Hậu cần quân sự trên chiến trường Lào trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*/ *Dương Hồng Anh, Ngô Nhật Dương*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 203tr.; 21cm.
355.809597 H125C/M.0177599 - M.0177600; MP.0037507; VN.0082194 - VN.0082195

140. *Huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Trần Tú Anh*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 98r.; 30cm + + Phụ lục
355.62209597 H522Đ/LV.00009891

141. *Hướng dẫn triển khai các đội phản ứng nhanh, bệnh viện dã chiến truyền nhiễm điều trị Covid-19.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 156tr.; 19cm.

**355.34509597 H561D/LC.0015473 - LC.0015474;
MP.0037815 - MP.0037816; VN.0082445 - VN.0082446**

142. *Kế hoạch cơ cấu lại lực lượng quân sự chiến lược toàn cầu/ Đặng Trọng Anh.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 138tr.; 30cm

355.00973 K250H/T.0024582

143. *Kỷ yếu công trình đạt giải thưởng "Tuổi trẻ sáng tạo trong Quân đội lần thứ 21".* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 232tr.; 28cm.

**355.009597 K600Y/MP.0037323 - MP.0037324;
VV.0018347 - VV.0018348**

144. *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Tăng cường hàm lượng ngoại ngữ quân sự trong đào tạo học viên sĩ quan cấp phân đội tại Học viện Khoa học Quân sự.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 275tr.; 24cm.

**355.00711597 K600Y/LCV.0002472; MP.0037628
- MP.0037629; VV.0018518 - VV.0018519**

145. *Lịch sử Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 (1951 - 2021).* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 663tr.; 22cm.

**355.7209597 L302S/LC.0015590 - LC.0015591;
MP.0037271 - MP.0037272; VN.0082058 - VN.0082059**

146. *Lịch sử Bộ đội Biên phòng tỉnh Kiên Giang (1975 -*

2020)/ Huỳnh Văn Đông chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 312tr.; 21cm.

**355.351 L302S/LC.0015869 - LC.0015870;
MP.0037340 - MP.0037341; VN.0082126 - VN.0082127**

147. *Lịch sử công tác Tham mưu lực lượng vũ trang tỉnh Trà Vinh (1945 - 2020)*/ Nguyễn Minh Phụng chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 356tr.; 21cm.

**355.009597 L302S/LC.0015889; MP.0037277 -
MP.0037278; VN.0082064 - VN.0082065**

148. *Lịch sử Cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng (1971 - 2021)*/ Phạm Tuấn Anh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 468tr.; 21cm.

**355.009597 L302S/LC.0015792 - LC.0015793;
MP.0037482 - MP.0037483; VN.0082180 - VN.0082181**

149. *Lịch sử Hệ đào tạo cán bộ chính trị cấp chiến thuật, chiến dịch (1961 - 2021)*/ Cao Hồng Phong chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 187tr.; 21cm.

**355.00711597 L302S/LC.0015876; MP.0037640 -
MP.0037641; VN.0082320 - VN.0082321**

150. *Lịch sử kho K812 (1961 - 2021)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 372tr.; 21cm.

**355.75 L302S/LC.0015794; MP.0037486 -
MP.0037487; VN.0082184 - VN.0082185**

151. *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Lộc (1975 - 2020)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 303tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0015508; MP.0037345 -
MP.0037346; VN.0082132 - VN.0082133

152. *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Sóc Sơn (1945 - 2020)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 471tr.; 22cm.

355.009597 L302S/LC.0015862 - LC.0015863;
MP.0037332 - MP.0037333; VN.0082118 - VN.0082119

153. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên (1945 - 2020)/ Biên soạn: Lê Xuân Đồng, Nguyễn Văn Viễn, Nguyễn Thanh Tùng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 504tr.; 24cm.

355.009597 L302S/LCV.0002503; MP.0037267
- MP.0037268; VV.0018345 - VV.0018346

154. *Lịch sử Nhà máy Z176 (1971 - 2021)/ Vũ Tang Bông chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 248tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0015981; MP.0037338 -
MP.0037339; VN.0082124 - VN.0082125

155. *Lịch sử Phòng Chính trị (1956 - 2021)/ Cao Văn Khuy chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 383tr.; 21cm.

355.00711597 L302S/LC.0015738; MP.0037484 -
MP.0037485; VN.0082182 - VN.0082183

156. *Lịch sử Sư đoàn 316 (1951 - 2021)/ Biên soạn: Nguyễn Tiến Hùng, Bùi Văn Thiên, Nguyễn Văn Hiệp*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 432tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0015979 - LC.0015980;
MP.0037646 - MP.0037647; VN.0082326 - VN.0082327

157. *Lịch sử Tổng Công ty Thái sơn (1991 - 2021)/ Lê Hồng Diệp chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 233tr.; 24cm.

355.009597 L302S/LCV.0002464 -

LCV.0002465; MP.0037624 - MP.0037625; VV.0018514 - VV.0018515

158. *Lịch sử Trường quân sự Quân khu 5 (1961 - 2021).* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 472tr.; 21cm.

355.00711597 L302S/LC.0015871 - LC.0015872;

MP.0037638 - MP.0037639; VN.0082318 - VN.0082319

159. *Lịch sử Trường Trung cấp Kỹ thuật Mật mã (1951 - 2021).* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 182tr.; 21cm.

355.00711597 L302S/LC.0015737; MP.0037642 -

MP.0037643; VN.0082322 - VN.0082323

160. *Lịch sử Viện Kiểm sát quân sự Việt Nam (1961 - 2021).* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 571tr.; 22cm.

355.009597 L302S/LC.0015732 - LC.0015733;

MP.0037690 - MP.0037691; VN.0082358 - VN.0082359

161. *Một số kinh nghiệm trong phòng, chống dịch Covid-19 của lực lượng vũ trang Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 96tr.; 19cm.

355.34509597 M458S/LC.0015481 - LC.0015482;

MP.0037821 - MP.0037822; VN.0082451 - VN.0082452

162. *Một số loại vũ khí hiện đại các nước trên thế giới đang sử dụng hiện nay/ Hoàng Kim Trường.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 123tr.; 30cm

355.8

M458S/T.0024579

163. Một số vấn đề về lý luận chiến dịch tiền công tổng hợp trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc: Sách chuyên khảo dùng cho đào tạo cán bộ chiến dịch - chiến lược và sau đại học/ *Võ Tiến Trung*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 218tr.; 21cm.

355.409597

M458S/LC.0015613; MP.0037708 -

MP.0037709; VN.0082378 - VN.0082379

164. Nâng cao chất lượng đội ngũ chính trị viên ở các sư đoàn bộ binh Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Hoàng Mạnh Hưng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 230tr.; 21cm.

355.009597

N122C/LC.0016571; M.0177808 -

M.0177809; MP.0037701; VN.0082368 - VN.0082369

165. Nâng cao chất lượng đội ngũ chủ nhiệm bộ môn khoa học xã hội nhân văn ở các nhà trường quân đội hiện nay: Sách chuyên khảo/ *Trần Ngọc Hồi*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 159tr.; 21cm.

355.00711597

N122C/LC.0015525; M.0177400 -

M.0177401; MP.0037287; VN.0082078 - VN.0082079

166. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học ở Viện Lịch sử quân sự Việt Nam hiện nay/ Nguyễn Văn Lượng chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 254tr.; 21cm.

355.009597

N122C/VN.0082308

167. Nâng cao chất lượng quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại Cục 12 - Tổng cục II - Bộ Quốc phòng: Luận văn thạc

sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Trần Thiên Môn*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 102tr.; 30cm ++ Phụ lục
355.62209597 N122C/LV.00009902

168. *Nâng cao năng lực tham mưu của đội ngũ cán bộ ở Ban cán bộ trong các học viện, trường sĩ quan quân đội hiện nay.*
- H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 138tr.; 21cm.

355.00711597 N122C/LC.0015524; M.0177389 -
M.0177390; MP.0037281; VN.0082070 - VN.0082071

169. *Nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật của quân nhân ở đơn vị cơ sở:* Sách tham khảo. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 138tr.; 21cm.

355.109597 N122C/LC.0015143 - LC.0015144;
M.0177385 - M.0177386; MP.0037279; VN.0082066 -
VN.0082067

170. *Nhu cầu thành đạt nghề nghiệp của sĩ quan trẻ Quân đội nhân dân Việt Nam:* Sách chuyên khảo/ *Bùi Minh Đức*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 134tr.; 21cm.

355.33209597 Nh500C/LC.0016572 - LC.0016573;
M.0177589 - M.0177590; MP.0037498 - MP.0037499

171. *Nội dung chiến lược quốc phòng mới của Mỹ/ Hoàng Kim Trường.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 116tr.; 30cm

355.00973 N452D/T.0024586

172. *Quản lý chi kinh phí nghiệp vụ tại Sư đoàn 365 - Quân chủng Phòng không - Không quân - Bộ Quốc phòng:* Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Lê*

Tuấn Anh. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 93r.; 30cm + + Phụ lục

355.62209597 Qu105L/LV.00009887

173. *Quản lý kinh phí nghiệp vụ tại Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Đinh Ngọc Anh.* - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 88tr.; 30cm + + Phụ lục

355.62209597 Qu105L/LV.00009896

174. *Quản lý ngân sách sử dụng tại Báo Quân đội nhân dân - Tổng cục Chính trị*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Trần Nam Trung.* - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 110tr.; 30cm + + Phụ lục

355.62209597 Qu105L/LV.00009900

175. *Quản lý ngân sách sử dụng tại Binh chủng Tăng Thiết giáp*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Phan Anh Tuấn.* - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 109tr.; 30cm + + Phụ lục

355.62209597 Qu105L/LV.00009880

176. *Quản lý ngân sách sử dụng tại Sư đoàn 370 Quân chủng Phòng không - Không quân*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Nguyễn Tiến Dũng.* - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 123tr.; 30cm + + Phụ lục

355.62209597 Qu105L/LV.00009894

177. *Quản lý tài chính hoạt động có thu tại Quân khu 4 - Bộ Quốc phòng*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo

hiếm: 8340201/ *Phạm Quang Hưng*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 107tr.; 30cm + + Phụ lục

355.62209597 Qu105L/LV.00009889

178. *Quản lý tài chính tại Kho 802 Cục Quân khí - Tổng cục Kỹ thuật*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Trần Đình Long*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 100tr.; 30cm + + Phụ lục

355.62209597 Qu105L/LV.00009882

179. *Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại Quân khu 4 - Bộ Quốc phòng*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Hoàng Minh Phương*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 101tr.; 30cm + + Phụ lục

355.62209597 Qu105L/LV.00009883

180. *Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại Sư đoàn 395 - Quân khu 3 - Bộ Quốc phòng*: Luận văn thạc sĩ Tài chính – ngân hàng – bảo hiểm: 8340201/ *Vũ Nam Khánh*. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 108tr.; 30cm + + Phụ lục

355.6209597 Qu105L/LV.00009888

181. *Quân y Việt Nam - 75 năm xây dựng và trưởng thành (1946 - 2021)*: Công trình chào mừng kỷ niệm 75 năm ngày truyền thống ngành quân y Việt Nam (16.4.1946 - 16.4.2021)/ *Nguyễn Xuân Kiên chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 404tr.; 22cm.

355.809597 Qu121Y/LC.0015975 -
LC.0015976; MP.0037634 - MP.0037635; VN.0082316 -
VN.0082317

182. *Sư đoàn 325 - Biên niên sự kiện (2011 - 2020).* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 375tr.; 21cm.

355.3109597 S550Đ/LC.0015489; MP.0037644 - MP.0037645; VN.0082324 - VN.0082325

183. *Tài liệu học tập chính trị của hạ sĩ quan - binh sĩ/ Nguyễn Văn Đức chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 420tr.; 19cm.

355.009597 T103L/LC.0015790 - LC.0015791; MP.0037717 - MP.0037718; VN.0082386 - VN.0082387

184. *Tài liệu học tập chính trị của quân nhân chuyên nghiệp: Dành cho đối tượng chưa qua đào tạo trung cấp trở lên trong và ngoài quân đội/ Nguyễn Văn Đức chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 208tr.; 19cm.

355.009597 T103L/LC.0015970 - LC.0015971; MP.0037528 - MP.0037529; VN.0082212 - VN.0082213

185. *Tài liệu nghiên cứu chuyên đề của Lực lượng tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc/ Nguyễn Văn Đức chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 255tr.; 19cm.

355.357 T103L/LC.0015904 - LC.0015905; M.0177406 - M.0177407; MP.0037290; VN.0082084 - VN.0082085

186. *Thượng tướng Phạm Ngọc Mậu trong ký ức đồng đội và người thân.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 220tr.; 21cm.

355.0092 Th561T/LC.0015837 - LC.0015838; M.0177585 - M.0177586; MP.0037496; VN.0082188 - VN.0082189

187. *Tôn Tử binh pháp/ Trúc Khê Ngô Văn Triện dịch.* - H.: Hồng Đức, 2020. - 263tr.; 21cm.

355.420951

T454T/VN.0081982 - VN.0081983

188. *Trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực quân sự của quân đội Mỹ/ Đặng Trọng Anh.* - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 118tr.; 30cm

355.07

Tr300T/T.0024571

189. *Trung đoàn Đường ống 592 anh hùng - Một thời bão lửa:* Ký ức. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 351tr.; 21cm.

355.809597

Tr513Đ/LC.0015354 - LC.0015355;

M.0177818 - M.0177819; MP.0037707; VN.0082376 - VN.0082377

190. *Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn phân hiệu Nam Bộ (1950 - 1953) - 70 năm nhìn lại/ Đặng Khắc Thỏa chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 160tr.; 21cm.

355.00711597

Tr561L/LC.0015829 - LC.0015830;

MP.0037523 - MP.0037524; VN.0082208 - VN.0082209

191. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh nhân dân:* Sách chuyên khảo/ Nguyễn Văn Cường chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 184tr.; 21cm.

355.009597

T550T/LC.0015811 - LC.0015812;

M.0177619 - M.0177620; MP.0037525; VN.0082210 - VN.0082211

192. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại - Giá trị và vận dụng trong đối ngoại quốc phòng hiện nay:* Sách chuyên

khảo/ *Nguyễn Hữu Lập*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 174tr.; 21cm.

355.03109597 T550T/LC.0015764 - LC.0015765;
M.0177814 - M.0177815; MP.0037704; VN.0082374 -
VN.0082375

193. *Vai trò của ro-bốt quân sự trong chiến tranh hiện đại*. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 126r.; 30cm

355.07 V103T/T.0024574

194. *Văn hóa chính trị trong các nhà trường quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Lê Văn Tách*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 166tr.; 21cm.

355.00711597 V115H/M.0177611 - M.0177612;
MP.0037519; VN.0082200 - VN.0082201

195. *Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - 40 năm xây dựng, phát triển (1981 - 2021)*/ *Dương Đình Lập* chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 538tr.; 24cm.

355.009597 V305L/LCV.0002468 -
LCV.0002469; M.0177762 - M.0177763; MP.0037619;
VV.0018506 - VV.0018507

196. *Xây dựng phong cách làm việc Hồ Chí Minh cho đội ngũ sĩ quan trẻ trong Quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Phùng Thanh* chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 130tr.; 21cm.

355.33209597 X126D/LC.0015756 - LC.0015757;
M.0177396 - M.0177397; MP.0037285; VN.0082074 -
VN.0082075

197. 5 tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh - 5 bảo vật quốc gia/ Hoàng Chí Bảo. - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 311tr.; 21cm.
355.4342 N114T/M.0177206 - M.0177207;
MP.0037107 - MP.0037108; VN.0081990 - VN.0081991

359 – Lực lượng trên biển và cuộc chiến

198. Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 3 - 20 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành (2002 - 2021). - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 112tr.; 21cm.
359.009597 B450T/LC.0015972; M.0177428 -
M.0177429; MP.0037322; VN.0082116 - VN.0082117

199. Đề cương tuyên truyền Lễ đoàn tàu ngầm 189 Hải quân - 10 năm xây dựng và trưởng thành (20.6.2011 - 20.6.2021). - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 68tr.; 21cm.
359.93 Đ250C/LC.0015844; MP.0037508 -
MP.0037509; VN.0082196 - VN.0082197

200. Lịch sử Lễ đoàn Thông tin 602 Hải quân (1961 - 2021). - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 380tr.; 21cm.
359.983 L302S/LC.0015796; MP.0037488 -
MP.0037489; VN.0082186 - VN.0082187

201. Một số trang bị của hải quân Mỹ, Nga, Trung Quốc hiện nay/ Lại Duy Chính. - H.: Trung tâm Thông tin Khoa học Quân sự, 2021. - 166tr.; 30cm
359 M458S/T.0024580

370 - Giáo dục

202. *Chuyện về một nhà giáo ưu tú*: 65 năm cống hiến của Phó giáo sư, Nhà giáo ưu tú Nguyễn Nguyên Phong/ *Nguyễn Nguyên Phong, Nguyễn Dy*. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 266tr.; 21cm.

**371.10092 Ch527V/M.0177903 - M.0177904;
MP.0037763 - MP.0037764**

203. *Đừng coi thường sự lười học của con người*/ Trần Ngọc Châu. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 351tr.; 23cm.

**370.111 Đ556C/M.0177509 - M.0177510;
MP.0037414 - MP.0037415**

204. *Học như Einstein*/ Peter Hollins; Huyền Vũ dịch. - H.: Đại học kinh tế quốc dân, 2019. - 201tr.; 21cm.

**371.30281 H419N/M.0177036 - M.0177037;
MP.0036985 - MP.0036986**

205. *Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học của Khoa Kinh tế, ĐHQGHN hướng tới đạt chuẩn khu vực và quốc tế*: Hội thảo khoa học. - H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006. - 168tr.; 30cm

378.115 N122C/T.0024568

390 – Phong tục, nghi thức, văn hóa, dân gian

206. *Gia lễ Việt Nam/ Trịnh Khắc Mạnh chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2017. - 647tr.; 24cm.

**395.209597 Gi-100L/M.0177953 - M.0177954;
VV.0018542 - VV.0018543**

207. *Gương phong tục/ Đoàn Duy Bình.* - H.: Văn học, 2020. - 279tr.; 24cm.

**398.809597 G561P/M.0178401; VV.0018581 -
VV.0018582**

208. *Hội chân biên/ Thanh Hòa Tử.* - H.: Đại học Sư phạm, 2020. - 399tr.; 21cm.

**398.4109597 H452C/M.0177192 - M.0177193 -
M.0177194; VN.0081980 - VN.0081981**

209. *Hội Gióng - Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại/ Nguyễn Chí Bền chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2017. - 538tr.; 24cm.

**394.26959731 H452G/M.0177955 - M.0177956;
VV.0018544 - VV.0018545**

210. *Kể chuyện trí thông minh/ Nguyễn Phương Bảo An biên soạn.* - Tái bản lần thứ 7. - H.: Văn học, 2020. - 283tr.; 21cm.

**398.2 K250C/M.0178443 - M.0178444;
MP.0038181 - MP.0038182**

211. *Ngược xuôi bến khoái:* Tùy bút về ẩm thực/ *Tạ Tri.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 327tr.; 19cm.

394.1209597 Ng557X/M.0177515 - M.0177516;
MP.0037420 - MP.0037421

212. *Truyện cổ dân tộc Dao từ góc nhìn văn hóa/ Trần Thị Ngọc Anh.* - Thái Nguyên: Nxb. Đại học Thái Nguyên, 2019. - 299tr.; 21cm.

398.209597 Tr527C/M.0177714 - M.0177715

600 - CÔNG NGHỆ

610 – Y học và y tế

213. *Chẩn đoán và điều trị Covid-19.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 52tr.; 19cm.

616.2 Ch502Đ/MP.0037841 - MP.0037842;
VN.0082469 - VN.0082470

214. *Hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng, chống dịch Covid-19.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 60tr.; 19cm.

616.2 H411Đ/LC.0015475 - LC.0015476;
MP.0037837 - MP.0037838; VN.0082465 - VN.0082466

215. *Hướng dẫn giáo dục đồng nhóm phòng chống HIV/AIDS cho chiến sĩ mới trong Quân đội.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 92tr.; 23cm.

616.9792007 H561D/LCV.0002473 -
LCV.0002474, LCV.0002709 - LCV.0002710; MP.0037636 -
MP.0037637; VV.0018520 - VV.0018521

216. *Hướng dẫn lấy mẫu, bảo quản, xét nghiệm phát hiện SARS-CoV-2.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 60tr.; 19cm.

**616.2 H561D/LC.0015461 - LC.0015462;
MP.0037835 - MP.0037836; VN.0082463 - VN.0082464**

217. *Hướng dẫn phòng, chống lây nhiễm COVID-19.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 88tr.; 19cm.

**616.2 H561D/LC.0015455 - LC.0015456;
MP.0037825 - MP.0037826; VN.0082455 - VN.0082456**

218. *Hướng dẫn sàng lọc, phát hiện sớm người mắc COVID-19.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 36tr.; 19cm.

**616.2 H561D/LC.0015457 - LC.0015458;
MP.0037833 - MP.0037834; VN.0082461 - VN.0082462**

219. *Làm gì khi bạn luôn vội vã, lo lắng và dễ cáu giận/ Annie Payson Call; Trần Việt Kiên dịch.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - t135r.; 21cm.

**616.8914 L104G/M.0177595 - M.0177596;
MP.0037503 - MP.0037504**

220. *Nghiên cứu khoa học trong phòng, chống dịch Covid-19.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 56tr.; 19cm.

**616.2 Ngh305C/LC.0015477 - LC.0015478;
MP.0037839 - MP.0037840; VN.0082467 - VN.0082468**

221. *Quy trình khử khuẩn, diệt trùng tại hiện trường trong phòng, chống dịch COVID-19.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 52tr.; 19cm.

**616.2 Qu600T/LC.0015451 - LC.0015452;
MP.0037831 - MP.0037832; VN.0082443 - VN.0082444**

222. Quy trình xử lý nước thải, rác thải trong phòng, chống dịch Covid-19. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 72tr.; 19cm.

**616.2 Qu600T/LC.0015463 - LC.0015464;
MP.0037829 - MP.0037830; VN.0082459 - VN.0082460**

223. Sức khỏe là vàng - Phòng trị bệnh cảm mạo/ Nguyễn Khắc Khoái biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2020. - 226tr.; 21cm.

**616.205 S552K/M.0177184 - M.0177185;
MP.0037091 - MP.0037092**

224. Sức khỏe là vàng - Phòng trị bệnh đột quỵ/ Nguyễn Khắc Khoái biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2020. - 302tr.; 21cm.

**616.81 S552K/M.0177182 - M.0177183;
MP.0037089 - MP.0037090**

225. Sức khỏe là vàng - Phòng trị bệnh giun, sán, côn trùng/ Nguyễn Khắc Khoái biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2020. - 111tr.; 21cm.

**616.9 S552K/M.0177186 - M.0177187;
MP.0037093 - MP.0037094**

226. Sức khỏe là vàng - Phòng trị bệnh mỡ máu/ Nguyễn Khắc Khoái biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2020. - 278tr.; 21cm.

**616.3997 S552K/M.0177180 - M.0177181;
MP.0037087 - MP.0037088**

227. Sức khỏe là vàng - Phòng trị bệnh tay chân miệng/

Nguyễn Khắc Khoái biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2020. - 135tr.; 21cm.

**616.91 S552K/M.0177190 - M.0177191;
MP.0037097 - MP.0037098**

228. Sức khỏe là vàng - Phòng trị bệnh viêm khớp/ Nguyễn Khắc Khoái biên soạn. - H.: Hồng Đức, 2020. - 319tr.; 21cm.

**616.722 S552K/M.0177188 - M.0177189;
MP.0037095 - MP.0037096**

229. Tài liệu tham khảo phòng, chống dịch Covid-19. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 148tr.; 19cm.

**616.2 T103L/LC.0015471 - LC.0015472;
MP.0037813 - MP.0037814; VN.0082441 - VN.0082442**

230. Tôi không thích ồn ào/ Ashley Davis Bush, Jen dịch. - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 135tr.; 18cm.

**613.792 T452K/M.0177929 - M.0177930;
MP.0037788 - MP.0037789**

231. Vận hành cơ chế ứng phó trong phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 88tr.; 19cm.

**616.2 V121H/LC.0015459 - LC.0015460;
MP.0037823 - MP.0037824; VN.0082453 - VN.0082454**

620 - Kỹ thuật

232. Giáo trình hệ thống an toàn và ổn định trên Ô tô: Dành cho các đối tượng đào tạo chuyên ngành CNKT ô tô/ *Nguyễn Mạnh Hùng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 135tr.; 27cm.

**629.200711 Gi-108T/LCV.0002522;
MP.0037329 - MP.0037330; VV.0018353 - VV.0018354**

233. *Giáo trình cơ sở kết cấu và tính toán máy tự động*: Dành cho đào tạo sĩ quan kỹ thuật trình độ đại học chuyên ngành vũ khí. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 259tr.; 27cm.

**621.800711 Gi-108T/LCV.0002506;
MP.0037327 - MP.0037328; VV.0018351 - VV.0018352**

234. *Giáo trình nguyên lý cấu tạo súng pháo phòng không*: Dành cho đào tạo sĩ quan kỹ thuật trình độ đại học chuyên ngành vũ khí/ *Nguyễn Chiến Hạm chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 259tr.; 27cm.

**623.400711 Gi-108T/LCV.0002512;
MP.0037325 - MP.0037326; VV.0018349 - VV.0018350**

235. *Hướng dẫn sử dụng hệ thống khử khuẩn, diệt trùng trong phòng, chống dịch Covid-19*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 84tr.; 19cm.

**623.7 H561D/MP.0037827 - MP.0037828;
VN.0082457 - VN.0082458**

236. *Kim loại và hợp kim nhẹ trong đời sống*/ *Nguyễn Khắc Xương*. - H.: Bách khoa Hà Nội, 2018. - 419tr.; 21cm.

**620.16 K310L/M.0177997 - M.0177998;
MP.0037803 - MP.0037804**

237. *Nghiên cứu công nghệ*: Chương trình khoa học công nghệ độc lập cấp nhà nước về công nghệ vũ trụ giai đoạn 2012 - 2015. - H.: Khoa học tự nhiên và công nghệ, 2016. - 427tr.; 27cm.

629.4 Ngh305C/VV.0018576

238. *Nghiên cứu tính toán thiết kế kết cấu công trình bến cảng biển lắp ráp nhanh trong phát triển kinh tế biển ở Việt Nam*: Đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ/ *Nguyễn Thị Bạch Dương*. - H.: Trường Đại học Giao thông vận tải, 2010. - 119tr.; 30cm

627.8 Ngh305C/T.0024567

239. *Nghiên cứu ứng dụng*: Chương trình khoa học công nghệ độc lập cấp nhà nước về công nghệ vũ trụ giai đoạn 2012 - 2015. - H.: Khoa học tự nhiên và công nghệ, 2016; 27cm.

T.1. - 446tr.

629.4 Ngh305C/VV.0018575

T.2. - 319tr.

629.4 Ngh305C/VV.0018574

640 – Quản lý nhà và gia đình

240. *Bánh mì lang thang*: Lịch sử, văn hóa, dinh dưỡng cùng 40 công thức về bánh mì và ngũ cốc/ *Hương Thảo*. - H.: Thế giới, 2020. - 189tr.; 24cm.

**641.815 B107M/M.0177006 - M.0177007;
MP.0036961 - MP.0036962**

241. *Bữa tối tại Nhà Trắng*: Từ bữa tối của Tổng thống đến bàn ăn của bạn/ *John Moeller; Health Coach Quỳnh Nga dịch*. - H.: Thế giới, 2019. - 387tr.; 24cm.

**641.59753 B551T/M.0177004 - M.0177005;
MP.0036959 - MP.0036960**

242. *Làm phụ nữ không khổ tí nào/ Kim Oanh.* - H.: Phụ nữ, 2019. - 223tr.; 20cm.

**646.70082 L104P/M.0177905 - M.0177906;
MP.0037765 - MP.0037766**

243. *Madame Chic - Rất thần thái, rất Paris/ Jennifer L. Scott; Jen dịch.* - H.: Thế giới, 2019. - 247tr.; 21cm.

**646.76 M102C/M.0177014 - M.0177015;
MP.0036969 - MP.0036970**

244. *Phác thảo danh trà Việt Nam/ Nguyễn Ngọc Tuấn.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 191tr.; 24cm.

**641.3372 Ph101T/M.0177491 - M.0177492;
MP.0037398 - MP.0037399; VV.0018391 - VV.0018392**

650 – Quản lý và dịch vụ

245. *Khoa học lãnh đạo, quản lý và sự vận dụng vào Việt Nam: Sách chuyên khảo/ Đỗ Minh Cường chủ biên.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 717tr.; 21cm.

**658.4092 Kh401H/M.0177676; VN.0082242 -
VN.0082243**

246. *Nhà lãnh đạo nhạy bén: Cách để tạo ra một doanh nghiệp nhạy bén trong kỷ nguyên kỹ thuật số/ Simon Hayward;*

Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh dịch. - Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp
Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 303tr.; 23cm.

**658.4092 Nh100L/M.0177507 - M.0177508;
MP.0037412 - MP.0037413**

**247. *Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức/ Phạm Vũ Khiêm,
Hứa Thùy Trang.*** - H.: Bách khoa Hà Nội, 2018. - 199tr.;
21cm.

**658.406 Qu105T/M.0177995 - M.0177996;
MP.0037801 - MP.0037802**

700 - NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ

248. *Âm hưởng đất cầu vồng/ Lưu Ba.* - H.: Quân đội nhân
dân, 2021. - 151; 24cm.

**782.4209597 Â120H/LCV.0002404 -
LCV.0002405; M.0177382 - M.0177383 - M.0177384;
MP.0037269 - MP.0037270**

**249. *Chúng ta là Việt Nam - Chúng ta là một/ Jang Won Jae;
Đinh Thị Kiều Oanh dịch.*** - H.: Văn học, 2019. - 292tr.; 23cm.

**796.334092 Ch513T/M.0177010 - M.0177011;
MP.0036965 - MP.0036966**

**250. *Ngành công nghiệp thời trang: Chuyện kể từ hàng ghế áp
chót/ Amy Odell; Hằng Nguyễn dịch.*** - H.: Thế giới, 2019. -
263tr.; 21cm.

**746.92097471 Ng107C/M.0177029 - M.0177030;
MP.0036981 - MP.0036982**

251. *Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Ấn Độ giáo và Phật giáo Lào/ Nguyễn Lệ Thi.* - H., 2006. - 116tr.; 30cm
726.09594 Ngh250T/T.0024559

800 - VĂN HỌC & TU TỪ HỌC

252. *Không ai nợ con bất cứ điều gì:* Những bức thư cùng con trưởng thành/ *Thu Hương sưu tầm.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 97tr.; 21cm.

**808.86 Kh455A/M.0177146 - M.0177147;
MP.0037056 - MP.0037057**

253. *Thông điệp trẻ gửi người lớn về thế giới chúng ta đang sống:* Những bức thư đoạt giải cuộc thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 49. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 218tr.; 21cm.

**808.86 Th455Đ/M.0177150 - M.0177151;
MP.0037060 - MP.0037061**

810 – Văn học châu Mỹ bằng tiếng Anh

813 – Hư cấu châu Mỹ bằng tiếng Anh

254. *Magnus Chase và các vị thần của Asgard/ Rick Riordan;*
Nguyễn Mỹ Ngọc dịch. - H.: Văn học, 2021; 21cm.

P.1 : Thanh kiếm mùa hè. - 583tr.

813 M102C/M.0178413 - M.0178414

P.2 : Lời tiên tri hắc ám. - 499tr.

**813 Nh556T/M.0178411 - M.0178412;
MP.0038169 - MP.0038170**

255. *Tiếng gọi của hoang dã/ Jack London; Ng.dịch: Lâm Hoài, Vũ Quang. - H.: Văn học, 2019. - 189tr.; 21cm.*

**813.52 T306G/M.0178461 - M.0178462;
MP.0038189 - MP.0038190**

256. *Tôi biết tại sao chim trong lồng vẫn hát: Tự truyện/ Maya Angelou; Quế Chi dịch. - H.: Văn học, 2020. - 339tr.; 24cm.*

**818.5409 T452B/M.0178402; VV.0018585 -
VV.0018586**

890 – Văn học ngôn ngữ và họ ngôn ngữ cụ thể khác

895 – Văn học Đông Á và Đông Nam Á

257. *Ở buôn người/ Giãn Tư Hải. - H.: Thanh niên, 2019. - 322tr.; 24cm.*

**895.92234 Ô450B/M.0177008 - M.0177009;
MP.0036963 - MP.0036964**

T.1: Thơ. - 683tr.

**895.922134 A107T/M.0177985 - M.0177986;
MP.0037798**

T.2: Hồi ký. - 470tr.

**895.9228403 A107T/M.0177983 - M.0177984;
MP.0037797**

T.3: Hồi ký. - 866tr.

895.9228403 A107T/M.0177981 - M.0177982

T.4 : Hồi ký - Tiểu thuyết - Truyện ngắn. - 534tr.

895.922334 A107T/M.0177979 - M.0177980

258. *Cánh chim Kỵ*: Tập truyện và ký. - H.: Văn học, 2020. - 422tr.; 20cm.

**895.92283403 C107C/M.0177674 - M.0177675;
MP.0037560**

259. *Cậu chủ hồ đồ/ Tinh dã Anh; Lục Hoa dịch.* - H.: Văn học, 2020. - 527tr.; 21cm.

895.136 C125C/M.0178415 - M.0178416

260. *Câu chuyện một đêm trăng*: Bút ký/ *Châu La Việt.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 200tr.; 21cm.

**895.9228403 C125C/LC.0015817 - LC.0015818;
M.0177605 - M.0177606; MP.0037513 - MP.0037514**

261. *Chị chị em em/ Ngải Minh Nhã; Lương Phúc dịch.* - H.: Thanh niên, 2020. - 228tr.; 21cm.

**895.136 Ch300C/M.0177025 - M.0177026;
MP.0036977 - MP.0036978**

262. *Chiến tranh cách mạng và thơ ca*: Tiểu luận và phê bình/ *Mã Giang Lân (Lê Văn Lân).* - H.: Văn học, 2020. - 273tr.; 20cm.

**895.9221009 Ch305T/M.0177690 - M.0177691;
MP.0037566 - MP.0037567**

263. *Chiến tranh và tình yêu*: Tiểu thuyết/ *Phạm Ngọc Thái*. - H.: Hồng Đức, 2020; 19cm.

T.1. - 230tr.

895.92234 Ch305T/M.0177048 - M.0177049

T.2. - 238tr.

895.92234 Ch305T/M.0177046 - M.0177047

264. *Chiều bình yên*: Tiểu thuyết/ *Nguyễn Ngọc Mộc*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 243tr.; 21cm.

**895.92234 Ch309B/M.0177593 - M.0177594;
MP.0037501 - MP.0037502**

265. *Chuyện cũ bên dòng sông Tô*: Truyện dã sử/ *Viên Mai Nguyễn Công Chí*. - Tái bản lần 3. - H.: Văn học, 2020. - 587tr.; 21cm.

**895.92234 Ch527C/M.0177195 - M.0177196 -
M.0177197**

266. *Chuyện đời lắng sâu*: Tập truyện ngắn/ *Chi Phan*. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 238tr.; 19cm.

**895.92234 Ch527Đ/M.0177144 - M.0177145;
MP.0037054 - MP.0037055**

267. *Có một ngày, bố mẹ sẽ già đi*: *Losedow dịch*. - H.: Thế giới, 2020. - 295tr.; 18cm.

**895.136 C400M/M.0177050 - M.0177051 -
M.0177052**

268. *Có một người từng là tất cả/ Trí.* - H.: Văn học, 2020. - 231tr.; 21cm.

895.9228408

C400M/M.0178459 - M.0178460

269. *Cổ vĩnh hằng:* Trường ca - Thơ/ *Nguyễn Trọng Văn.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 151tr.; 19cm.

895.92214

C400V/LC.0015779 - LC.0015780;

M.0177828 - M.0177829; MP.0037715 - MP.0037716

270. *Con nhà giàu/ Hồ Biểu Chánh.* - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - Văn nghệ, 2020. - 254tr.; 19cm.

895.922334

C429N/M.0177140 - M.0177141;

MP.0037050 - MP.0037051

271. *Con nhà nghèo/ Hồ Biểu Chánh.* - Tp. Hồ Chí Minh: Văn hóa - Văn nghệ, 2020. - 263tr.; 19cm.

895.922334

C429N/M.0177142 - M.0177143;

MP.0037052 - MP.0037053

272. *Cổ học tinh hoa/ Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Tử An Trần Lê Nhân.* - H.: Văn học, 2021. - 407tr.; 24cm.

895.1

C450H/M.0178399 - M.0178400;

MP.0038163; VV.0018579 - VV.0018580

273. *Cũng chỉ là hạt bụi:* Tiểu thuyết/ *Mộc Phù Sinh; Vương Thanh Tâm dịch.* - H.: Phụ nữ, 2019. - 446tr.; 21cm.

895.136

C513C/M.0177899 - M.0177900;

MP.0037759 - MP.0037760

274. *Cung đường lửa*: Tập truyện ngắn/ *Tùng Lâm*. - H.: Hồng Đức, 2020. - 175tr.; 21cm.

**895.92234 C513Đ/M.0177040 - M.0177041;
MP.0036989 - MP.0036990**

275. *Cuộc săn cừu hoang*: Haruki Murakami; Minh Hạnh dịch. - H.: Văn học, 2020. - 442tr.; 21cm.

895.635 C514S/M.0178417 - M.0178418

276. *Cuộc sống không có ngôn ngữ*: Tuyển tập truyện vừa và ngắn/ *Đông Tây*; Ng.dịch: *Lê Huy Tiêu*,.... - H.: Văn học, 2016. - 454tr.; 21cm.

895.92234 C514S/M.0178001

277. *Cứ cười thôi mặc kệ đời !*: Tản văn/ *Gari*. - Tái bản lần thứ 1. - H.: Văn học, 2018. - 234tr.; 19cm.

**895.9228408 C550C/M.0178453 - M.0178454;
MP.0038183 - MP.0038184**

278. *Danh gia cổ vật - Hôi của Đông lăng*: Má Bá Dung; Tố Hình dịch. - H.: Nxb. Hà Nội, 202. - 572tr.; 21cm.

**895.136 D107G/M.0177202 - M.0177203;
MP.0037103 - MP.0037104**

279. *Diện mạo văn học cận hiện đại Lào*: Nguyễn Đức Ninh. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020; 21cm.

T.1. - 349tr.
**895.91909 D305M/M.0177162 - M.0177163;
MP.0037071 - MP.0037072**

T.2. - 350tr.
895.91909 D305M/M.0177170 - M.0177171;
MP.0037079 - MP.0037080

280. *Độc ngang thế sự*/ Nguyễn Khắc Thuần. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 338tr.; 20cm.

895.9228403 D419N/M.0178004 - M.0178005;
MP.0037809 - MP.0037810; VN.0082437 - VN.0082438

281. *Dòng sông thơm hương cỏ xương bồ*: Trường ca/ Châu La Việt. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 112tr.; 19cm.

895.922134 D431S/LC.0015607 - LC.0015608;
M.0177826 - M.0177827; MP.0037713 - MP.0037714

282. *Đốc cuối đời*: Tiểu thuyết/ Lê Văn Vọng. - H.: Văn học, 2020. - 271tr.; 20cm.

895.92234 D451C/M.0177688 - M.0177689;
MP.0037565

283. *Đánh thức giao thừa*: Tiểu thuyết/ Mã Thiện Đông. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 320tr.; 21cm.

895.92234 Đ107T/M.0177901 - M.0177902;
MP.0037761 - MP.0037762

284. *Đào/ Linh Lê*. - H.: Thanh niên, 2019. - 274tr.; 21cm.

895.92234 Đ108/M.0177895 - M.0177896;
MP.0037755 - MP.0037756

285. *Đốm lửa*: Tập truyện ngắn/ Đỗ Nhật Minh. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 195tr.; 19cm.

**895.92234 Đ453L/LC.0015856 - LC.0015857;
M.0177621 - M.0177622; MP.0037526 - MP.0037527**

**286. *Đừng để mẹ khóc*/ Kim Joo Young, Thanh Vân dịch. - H.:
Phụ nữ Việt Nam, 2019. - 277tr.; 21cm.**

**895.735 Đ556Đ/M.0177897 - M.0177898;
MP.0037757 - MP.0037758**

**287. *Đừng đợi kiếp sau mới quan tâm nhau*: Thơ, tản văn/ Du
Phong, Minh Mẫn. - H.: Văn học, 2020. - 215tr.; 21cm.**

**895.9228408 Đ556Đ/M.0178457 - M.0178458;
MP.0038187 - MP.0038188**

**288. *Đường đi ... xa mà gần*: Truyện - Tản văn - Ký/ Nguyễn
Kỳ Văn. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 248tr.; 19cm.**

**895.9228408 Đ561Đ/M.0177044 - M.0177045;
MP.0036993 - MP.0036994**

**289. *Em sẽ đến cùng cơn mưa*/ Ichikawa Takuji; Mộc Miên
dịch. - H.: Văn học, 2019. - 329tr.; 21cm.**

895.636 E202S/M.0178421 - M.0178422

**290. *Gối đầu lên sóng*: Tiểu thuyết/ Vân Thảo. - H.: Quân đội
nhân dân, 2021; 21cm.**

T.1. - 192tr.

**895.92234 G452Đ/LC.0015825 - LC.0015826;
M.0177609 - M.0177610; MP.0037517 - MP.0037518**

T.2. - 192tr.

**895.92234 G452Đ/LC.0015823 - LC.0015824;
M.0177607 - M.0177608; MP.0037515 - MP.0037516**

291. *Hà Nội những năm tháng không quên*: Tản văn/ *Phạm Kim Thanh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 200tr.; 21cm.

**895.9228408 H100N/LC.0015839 - LC.0015840;
M.0177603 - M.0177604; MP.0037511 - MP.0037512**

292. *Hạt vía thiêng*: Tập truyện ngắn/ *Kiều Duy Khánh*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 195tr.; 19cm.

**895.92234 H110V/LC.0015786 - LC.0015787;
M.0177408 - M.0177409 - M.0177410; MP.0037291 -
MP.0037292**

293. *Hoa nắng Tây Nguyên*: Tản văn/ *Lê Thị Kim Sơn*. - H.: Hồng Đức, 2020. - 166tr.; 21cm.

**895.9228408 H401N/M.0177038 - M.0177039;
MP.0036987 - MP.0036988**

294. *Hoàn lưu của bão*: Tập truyện ngắn/ *Trịnh Hồng Hải*. - H.: Hồng Đức, 2020. - 127tr.; 21cm.

**895.92234 H406L/M.0177042 - M.0177043;
MP.0036991 - MP.0036992**

295. *Hồi âm linh cảm*: Truyện ngắn/ *Trần Nguyễn Anh*. - H.: Văn học, 2020. - 174tr.; 21cm.

**895.92234 H462Â/M.0177921 - M.0177922;
MP.0037780 - MP.0037781**

296. *Hương gió phương Nam*/ *Nguyễn Q. Thắng*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021; 23cm.

T.1. - 376tr.

**895.92234 H561G/M.0177501 - M.0177502;
MP.0037406 - MP.0037407; VV.0018397 - VV.0018398**

T.2. - 406tr.

**895.92234 H561G/M.0177503 - M.0177504;
MP.0037408 - MP.0037409; VV.0018399 - VV.0018400**

297. *Kafka bên bờ biển*/ Haruki Murakami; Dương Tường dịch. - H.: Văn học, 2020. - 531tr.; 24cm.

**895.635 K102B/M.0178405 - M.0178406;
MP.0038166**

298. *Khắc khoải tiếng mõ bên sông*: Ký sự/ Vương Tâm. - H.: Văn học, 2020. - 194tr.; 21cm.

**895.9228403 Kh113K/M.0177923 - M.0177924;
MP.0037782 - MP.0037783**

299. *Khúc tình ca người lính*: Thơ/ Nguyễn Hồng Minh. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 188tr.; 19cm.

**895.92214 Kh506T/M.0177597 - M.0177598;
MP.0037505 - MP.0037506**

300. *Kiệt tác vĩ đại của lòng vị tha*/ Thu Hương sưu tầm. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 95tr.; 21cm.

**895.92230108 K308T/M.0177148 - M.0177149;
MP.0037058 - MP.0037059**

301. *Là yêu*/ Vô Xứ Khả Đào; Nguyễn Hải Phương dịch. - H.: Văn học, 2020. - 518tr.; 21cm.

895.136 L100Y/M.0178419 - M.0178420

302. *Lãnh địa ánh sáng*: Tiểu thuyết/ *Yuko Tsushima, Thư Trúc dịch.* - H.: Thế giới, 2019. - 279tr.; 20cm.

**895.635 L107Đ/M.0177911 - M.0177912;
MP.0037771 - MP.0037772**

303. *Lòng tôi biên giới*: Trường ca/ *Nguyễn Minh Cường.* - H.: Văn học, 2020. - 117tr.; 20cm.

**895.92214 L431T/M.0177684 - M.0177685;
MP.0037569 - MP.0037570**

304. *Lược sử văn học Đài Loan*/ *Diệp Thạch Đào; Ng. dịch: Phạm Tú Châu, Trần Hải Yến,....* - H.: Đại học sư phạm, 2018. - 313tr.; 24cm.

895.109 L557S/VV.0018554 - VV.0018555

305. *Lược sử văn học Việt Nam*/ *Trần Đình Sử chủ biên.* - H.: Nxb. Đại học sư phạm, 2020. - 435tr.; 21cm.

**895.92209 L557S/M.0177126 - M.0177127;
MP.0037038; VN.0081958 - VN.0081959**

306. *Ma Văn Kháng - Về tác gia và tác phẩm*/ *Sưu tầm: Hoàng Tuyên, Hoàng Thu Phòng.* - H.: Đại học sư phạm, 2018. - 227tr.; 24cm.

895.92209 M100V/VV.0018556 - VV.0018557

307. *Make my day*/ *Mai Lê.* - H.: Văn học, 2020. - 171tr.; 21cm.

**895.9228403 M103M/M.0178437 - M.0178438;
MP.0038177 - MP.0038178**

308. *Mặt nạ*/ Lý Thượng Long; Từ Bích Diệp dịch. - H.: Thế giới, 2020. - 334tr.; cm.

**895.136 M118N/M.0177020 - M.0177021;
MP.0036975 - MP.0036976**

309. *Mặt trời màu đỏ mây thì màu xanh còn em nhớ anh/Hèo*. - H.: Văn học, 2021. - 209tr.; 21cm.

**895.9228408 M118T/M.0178439 - M.0178440;
MP.0038179 - MP.0038180**

310. *Mấy lời phúc đáp*/ Nguyễn Khắc Thuần, Lý Thị Mai. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 424tr.; 20cm.

**895.9228403 M126L/M.0178002 - M.0178003;
MP.0037807 - MP.0037808; VN.0082435 - VN.0082436**

311. *Mong manh hoa tuyết*: Tiểu thuyết/ Tanizaki Junichiro, Nam Tử dịch. - H.: Hội nhà văn, 2020. - 233tr.; 21cm.

Quyển thượng
**895.6344 M431M/M.0177917 - M.0177918;
MP.0037776 - MP.0037777**

312. *Mỗi tình đầu - Mỗi tình cuối*: Hồi ký/ Tôn Nữ Lệ Minh, Lưu Trọng Lư. - H.: Văn học, 2020. - 197tr.; 21cm.

895.9228403 M452T/M.0178449 - M.0178450

313. *Một thoáng bóng câu*: Hồi ức/ Lê Dũng. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 280tr.; 21cm.

**895.9228403 M458T/LC.0015845 - LC.0015846;
M.0177583 - M.0177584; MP.0037494 - MP.0037495**

314. *Một thời chân đất*: Tuyển tập Truyện ngắn - Ký - Thơ - Tản văn. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 415tr.; 23cm.

**895.92208 M458T/M.0177497 - M.0177498;
VV.0018395 - VV.0018396**

315. *Ngàn năm chờ đợi*: Tiểu thuyết/ *Diệp Lạc Vô Tâm*; *Trần Quỳnh Hương* dịch. - Tái bản lần thứ tám. - H.: Văn học, 2020. - 174tr.; 21cm.

895.136 Ng105N/M.0178451 - M.0178452

316. *Ngang qua bình minh*: Trường ca. - H.: Văn học, 2020. - 109tr.; 20cm.

**895.92214 Ng106Q/M.0177686 - M.0177687;
MP.0037563 - MP.0037564**

317. *Ngô Việt Xuân Thu*/ *Triệu Diệp*; *Ngô Trần Trung Nghĩa* dịch. - H.: Văn học, 2020. - 217tr.; 24cm.

Cuốn sách là bộ tập sử ghi chép những biến cố xảy ra ở hai nước Ngô và Việt thời Xuân Thu

**895.1352 Ng450V/M.0178783 - M.0178784;
MP.0038463 - MP.0038464; VV.0018577 - VV.0018578**

318. *Nguyễn Trọng Tạo tuyển tập*/ *Sưu tầm*: *Tuyết Nga*, *Phạm Ngọc Ngoạn*, *Trần Quang Quý*. - H.: Văn học, 2019; 21cm.

T.1: Thơ và nhạc. - 895tr.

895.922134 Ng527T/M.0177977 - M.0177978

T.2: Văn xuôi. - 1117tr.

895.92283408 Ng527T/M.0177975 - M.0177976

319. *Người quản chùa mặc triều phục*: Tập truyện ngắn lịch sử/ *Phạm Thuật Thành*. - H.: Dân trí, 2020. - 227tr.; 21cm.

**895.9223008 Ng558Q/M.0177034 - M.0177035;
MP.0036983 - MP.0036984**

320. *Nhận diện và lý giải các hiện tượng văn học*: Tiểu luận/ *Phan Trọng Thuởng*. - H.: Văn học, 2019. - 169tr.; 21cm.

895.92209 Nh121D/M.0177991 - M.0177992

321. *Những bước đầu của báo chí, truyện ngắn, tiểu thuyết và thơ mới (1865 - 1932)*/ *Bùi Đức Tịnh*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 370tr.; 23cm.

**895.92209002 Nh556B/M.0177511 - M.0177512;
MP.0037416 - MP.0037417; VV.0018403 - VV.0018404**

322. *Những cô gái trong thành phố*/ *Hạ Bất Lục; Tô Ngọc Hà dịch*. - H.: Dân trí, 2019. - 295tr.; 21cm.

**895.136 Nh556C/M.0177012 - M.0177013;
MP.0036967 - MP.0036968**

323. *Những cung bậc đời thường*/ *Lý Thị Mai*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ, 2021. - 258tr.; 20cm.

**895.9228403 Nh556C/M.0178006 - M.0178007;
MP.0037811 - MP.0037812; VN.0082439 - VN.0082440**

324. *Những nẻo đường yêu*/ *Hoàng Yến Anh*. - Thanh Hóa: Nxb. Thanh Hóa, 2019. - 203tr.; 19cm.

**895.92234 Nh556N/M.0177907 - M.0177908;
MP.0037767 - MP.0037768**

325. *Non cao rừng thẳm*: Tập truyện ngắn/ *Cao Duy Sơn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 200tr.; 21cm.

**895.92234 N429C/LC.0015510 - LC.0015511;
M.0177393 - M.0177394 - M.0177395; MP.0037283 -
MP.0037284**

326. *Phạm Sư Mạnh - Cuộc đời và thơ văn*/ Nguyễn Thanh Tùng khảo cứu. - H.: Đại học sư phạm, 2018. - 311tr.; 24cm.

895.92211 Ph104S/VV.0018552 - VV.0018553

327. *Phụ nữ hiểu biết sẽ có cuộc sống đẳng cấp hơn*: Tản văn/ *Jenny Kiều*; *Tiểu Triệu dịch*. - H.: Văn học, 2021. - 363tr.; 21cm.

**895.18608 Ph500N/M.0178425 - M.0178426;
MP.0038171 - MP.0038172**

328. *Roi thần*: Tiểu thuyết/ *Phùng Kí Tài*; *Phạm Tú Châu dịch*. - H.: Hội nhà văn, 2019. - 152tr.; 21cm.

**895.152 R428T/M.0177913 - M.0177914;
MP.0037773 - MP.0037774**

329. *Rừng lân tinh*: Tiểu thuyết/ *Trịnh Thanh Phong*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 284tr.; 21cm.

**895.922334 R556L/LC.0015558 - LC.0015559;
M.0177822 - M.0177823; MP.0037711; VN.0082382 -
VN.0082383**

330. *Sao mai*: Tiểu thuyết/ *Dũng Hà*. - H.: Hội nhà văn, 2015. - 718tr.; 21cm.

**895.92234 S108M/M.0178397 - M.0178398;
VN.0082471 - VN.0082472**

331. *Sương lại càng long lanh*: Tiểu luận và chân dung văn học/ *Nguyễn An*. - H.: Văn học, 2020. - 448tr.; 20cm.

**895.9221009 T309L/M.0177672 - M.0177673;
MP.0037558 - MP.0037559**

332. *Tháng năm có anh ký ức thành hoa*: Tiểu thuyết/ *Cố Tây Trú*; *Thu Ngân dịch*. - H.: Văn học, 2020. - 319tr.; 21cm.

895.136 Th106N/M.0178423 - M.0178424

333. *Thợ săn quỷ - Biệt đội 12 chòm sao*/ *Thư Quân*. - H.: Thế giới, 2019. - 228tr.; 21cm.

**895.92234 Th460S/M.0177031 - M.0177032 -
M.0177033**

334. *Thủ lĩnh rừng già*: Tiểu thuyết/ *Hà Lâm Kỳ*. - H.: Quân đội nhân dân, 2021; 21cm.

T.1. - 152tr.

**895.92234 Th500L/LC.0015821 - LC.0015822;
M.0177581 - M.0177582; MP.0037492 - MP.0037493**

T.2. - 204tr.

**895.92234 Th500L/LC.0015819 - LC.0015820;
M.0177579 - M.0177580; MP.0037490 - MP.0037491**

335. *Thư tịch Trung Quốc và thơ văn đi sứ Trung Hoa thời Nguyễn*/ *Trần Ích Nguyên; Nguyễn Phúc An dịch*. - H.: Đại học sư phạm, 2018. - 307tr.; 23cm.

895.92209 Th550T/M.0177967 - M.0177968

336. *Thương ai đừng đợi đến ngày mai/ aT.* - H.: Văn học, 2021. - 227tr.; 21cm.

895.9228408

Th561A/M.0178441 - M.0178442

337. *Tình người: Thơ/ Bùi Huy Cầu.* - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 96tr.; 19cm.

895.92214

T312N/LC.0015609; M.0177830 - M.0177831; MP.0037719 - MP.0037720

338. *Tôi muốn sống cuộc sống bình thường:* Nhưng sống bình thường cũng rất khô liệt/ *Dae-ho Choi, Ko-eun Choi; Sun Tzô dịch.* - H.: Văn học, 2020. - 174tr.; 20cm.

895.78508

T452M/M.0178455 - M.0178456; MP.0038185 - MP.0038186

339. *Tôi nợ tương lai một ngày hạnh phúc:* Tiểu thuyết/ *Jun Kyung Nam, Ibuni dịch.* - H.: Văn học, 2019. - 239tr.; 21cm.

895.735

T452N/M.0177909 - M.0177910; MP.0037769 - MP.0037770

340. *Tôi thích bản thân mình nhất khi ở bên bạn/ Shiva Ryu; Ibuni dịch.* - H.: Văn học, 2021. - 237tr.; 21cm.

895.78508

T452T/M.0178435 - M.0178436; MP.0038175 - MP.0038176

341. *Trứng chim cú cu này thuộc về ai?/ Keigo Higashino; Nguyễn Hải Hà dịch.* - Tái bản. - H.: Văn học, 2020. - 429tr.; 21cm.

895.636

Tr556C/M.0178427 - M.0178428

342. *Từ dinh thự vua mèò đến tượng nữ thần tự do*: Ký, phóng sự/ *Đình Đức Cấn*. - H.: Công an nhân dân, 2019. - 327tr.; 21cm.

895.9228403 T550D/M.0177022 - M.0177023 - M.0177024

343. *Văn học cổ Việt Nam và Trung Hoa - Những hướng tiếp cận*/ Nguyễn Kim Châu. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 233tr.; 24cm.

**895.92209 V115H/M.0177493 - M.0177494;
MP.0037400 - MP.0037401; VV.0018393 - VV.0018394**

344. *Văn học Sài Gòn 1954 - 1975*: Những chuyện bên lề/ *Lê Văn Nghĩa biên soạn*. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 472tr.; 23cm.

**895.92209 V115H/M.0177513 - M.0177514;
MP.0037418 - MP.0037419; VV.0018405 - VV.0018406**

345. *Văn học Việt Nam trong bối cảnh giao lưu văn hóa khu vực và quốc tế*: Hội thảo quốc tế. - H.: Viện Văn học, 2006. - 177tr.; 30cm

895.922 V115H/T.0024565

900 - LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ

346. *Địa danh hành chính Thăng Long - Hà Nội qua tư liệu văn khắc Hán Nôm trên địa bàn Hà Nội*/ Phạm Thị Thùy Vinh. - H.: Khoa học xã hội, 2017. - 609tr.; 24cm.

**915.9731 Đ301D/M.0177957 - M.0177958;
VV.0018546 - VV.0018547**

**347. *Thế giới 100 năm (1920 - 2020)*: Sách tham khảo/ Nguyễn
Đặng Song. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 231tr.; 21cm.**

**909.8 Th250G/LC.0015762 - LC.0015763;
M.0177798 - M.0177799; MP.0037694 - MP.0037695**

**348. *Trúc thư kỷ niên*. - H.: Văn học, 2021. - 299tr.; 24cm.
Nguyễn Đức Vĩnh dịch**

951 Tr506T/VV.0018583 - VV.0018584

**349. *Việt Nam thế kỷ X: Những mảnh vỡ lịch sử*/ Trần Trọng
Dương. - H.: Đại học sư phạm, 2019. - 439tr.; 24cm.**

**957.702 V308N/M.0177942; VV.0017080 -
VV.0017081**

950 – Lịch sử châu Á

959 – Đông Nam Á

**350. *Ba thế hệ trí thức người việt (1862 - 1954)*: Nghiên cứu
lịch sử xã hội/ Trịnh Văn Thảo. - H.: Tri thức, 2020. - 462tr.;
24cm.**

**959.703 B100T/M.0177106 - M.0177107;
VV.0018278 - VV.0018279**

**351. *Bùi Bằng Đoàn với cách mạng Việt Nam*. - H.: Chính trị
quốc gia, 2020. - 315tr.; 24cm.**

959.7041092 B510B/VV.0018470

352. Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay/ Chủ biên: Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang. - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2020. - 551tr.; 24cm.

**959.7 C101G/M.0177108 - M.0177109;
VV.0018280 - VV.0018281**

353. Các Tổng Bí thư thế hệ tiền bối của Đảng ta (1930 - 1990)/ Lê Văn Yên. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 415tr.; 24cm.

**959.7040922 C101T/M.0177174 - M.0177175;
MP.0037082 - MP.0037083; VV.0018292 - VV.0018293**

354. Chiến thắng Đường 9 - Nam Lào 1971 - Giá trị lịch sử và hiện thực: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 952tr.; 24cm.

**959.7043 Ch305T/LCV.0002499 -
LCV.0002500; M.0177430 - M.0177431; MP.0037331;
VV.0018355 - VV.0018356**

355. Chính quyền nhà nước trong lịch sử Việt Nam từ năm 1527 đến năm 1802/ Trần Thị Vinh chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 615tr.; 21cm.

959.7 Ch312Q/VN.0082240 - VN.0082241

356. Chính sách đối với dân tộc thiểu số của nhà nước quân chủ Việt Nam (Từ năm 939 đến năm 1884)/ Nguyễn Minh Tường chủ biên. - H.: Khoa học xã hội, 2017. - 495tr.; 24cm.

**959.702 Ch312S/M.0177963 - M.0177964;
VV.0018558 - VV.0018559**

357. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng: Hồi ký/ Lê Đức Anh. - Xuất bản lần thứ 2. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 359tr.; 24cm.

959.704092

C514Đ/VV.0018409

358. Đại tướng Võ Nguyên Giáp với sự nghiệp khoa học, giáo dục và đào tạo. - H.: Đại học Sư phạm, 2014. - 410tr.; 24cm.

959.704092

Đ103T/VV.0018531

359. Đồng chí Hoàng Văn Thụ - Nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng, người con ưu tú của quê hương Lạng Sơn. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 504tr.; 24cm.

959.703092

Đ455C/VV.0018479

360. Đồng chí Lương Khánh Thiện với cách mạng Việt Nam và quê hương Hà Nam. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 367tr.; 24cm.

959.703092

Đ455C/VV.0018480

361. Đồng chí Nguyễn Duy Trinh - Nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 567tr.; 24cm.

959.704092

Đ455C/VV.0018407

362. Đường Bác Hồ đi cứu nước/ Trình Quang Phú biên soạn. - Xuất bản lần 2. - H.: Chính trị quốc gia, 2021. - 675tr.; 21cm.

959.704092

Đ561B/M.0177489 - M.0177490;

MP.0037396 - MP.0037397; VN.0082172 - VN.0082173

363. Hoàng triều sử ký: Từ đời Triệu Tổ Nguyễn Kim đến đời

Thành Thái 19 (1907)/ *Dương Lâm diễn nô; Nguyễn Đức Toàn dịch.* - Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 127tr.; 21cm.

**959.702 H407T/M.0177505 - M.0177506;
MP.0037410 - MP.0037411; VV.0018401 - VV.0018402**

364. Hồ Chí Minh - Kết tinh truyền thống Nhân - Trí - Dũng Việt Nam. - H.: Lao động, 2014. - 215tr.; 21cm.

**959.7043092 H450C/M.0177885 - M.0177886;
VN.0082421 - VN.0082422**

365. Hồ Chí Minh với con đường phát triển của Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn: Kỷ niệm 110 năm Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước 1911 - 2021. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 487tr.; 24cm.

**959.704092 H450C/LCV.0002606; M.0177760 -
M.0177761; MP.0037618; VV.0018504 - VV.0018505**

366. Hồi ký Trần Huy Liệu/ Phạm Như Thom sưu tầm. - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 578tr.; 24cm.

**959.704092 H452K/M.0177116 - M.0177117;
MP.0037030 - MP.0037031; VV.0018282 - VV.0018283**

367. Huỳnh Thúc Kháng - Tiểu sử/ Bùi Đình Phong chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 332tr.; 21cm.

959.703092 H531T/VN.0082299

368. Hướng Đông Nam trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 771tr.; 24cm.

**959.7043 H561Đ/LCV.0002460 -
LCV.0002461; M.0177764 - M.0177765; MP.0037620;
VV.0018508 - VV.0018509**

369. *Kể chuyện sứ thần Việt Nam/ Nguyễn Lan Phương biên soạn.* - Tái bản lần thứ 5. - H.: Văn học, 2020. - 167tr.; 21cm.

959.70099 K250C/M.0178447 - M.0178448

370. *Kể chuyện thần đồng Việt Nam/ Nguyễn Phương Bảo An biên soạn.* - Tái bản lần thứ 6. - H.: Văn học, 2020. - 271tr.; 21cm.

959.70099 K250C/M.0178445 - M.0178446

371. *Lịch sử cách mệnh Việt Nam từ 1862 đến 1930/ Đào Duy Anh.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 150tr.; 22cm.

**959.703 L302S/M.0177128 - M.0177129;
MP.0037039 - MP.0037040; VN.0081960 - VN.0081961**

372. *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến cuối thế kỷ XIX/ Đào Duy Anh.* - Tái bản theo bản in năm 1958. - H.: Nxb. Hà Nội, 2020; 24cm.

Quyển thượng. - 350tr.

**959.7 L302S/M.0177122 - M.0177123;
MP.0037034 - MP.0037035; VV.0018288 - VV.0018289**

Quyển hạ. - 271tr.

**959.7 L302S/M.0177120 - M.0177121;
MP.0037032 - MP.0037033; VV.0018286 - VV.0018287**

373. *Nam Bộ từ thế kỷ VII đến thế kỷ XVI:* Đề án khoa học xã

hội cấp nhà nước. - H.: Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, 2021. - 338tr.; 30cm

959.77

N104B/T.0024562

374. *Nâng cao hiệu quả quản lý di tích lịch sử cách mạng ATK ở các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn*: Sách chuyên khảo/ Hà Thúy Mai. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 171tr.; 21cm.

959.7

N122C/LC.0015758 - LC.0015759;

M.0177800 - M.0177801; MP.0037696; VN.0082362 - VN.0082363

375. *Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh: Hành trình cứu nước: Hành trình cứu nước/ Đỗ Hoàng Linh chủ biên, Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Thị Bình. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 252tr.; 22cm.*

959.704092

Ng527A/VN.0081972 - VN.0081973

376. *Nguyễn Hữu Thọ - Tiểu sử/ Trần Minh Trường chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia, 2020. - 239tr.; 21cm.*

959.704092

Ng527H/VN.0082309

377. *Nguyễn Thị Minh Khai - Tiểu sử/ Lý Việt Quang chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia, 2020. - 248tr.; 21cm.*

959.703092

Ng527T/VN.0082310

378. *Nguyễn Văn Tố - Tiểu sử/ Vũ Văn Thuấn chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia, 2020. - 251tr.; 21cm.*

959.703092

Ng527V/VN.0082311

379. *Người đứng đầu Thăng Long - Hà Nội (1010-1945)/ Bùi Xuân Đính.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 603tr.; 21cm.

959.731 Ng558Đ/VN.0082238 - VN.0082239

380. *Nhớ nghĩ chiều hôm: Hồi ký/ Đào Duy Anh.* - H.: Nxb. Hà Nội, 2020. - 378tr.; 24cm.

**959.704092 Nh460N/M.0177104 - M.0177105;
MP.0037028 - MP.0037029; VV.0018276 - VV.0018277**

381. *Quốc sử huấn mông/ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu.* - H.: Hội nhà văn, 2019. - 215tr.; 21cm.

**959.7 Qu451S/M.0177915 - M.0177916;
MP.0037775; VN.0082431 - VN.0082432**

382. *Theo dòng lịch sử - Những tìm tòi và suy ngẫm/ Trương Minh Dục.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 382tr.; 24cm.

**959.703 Th205D/M.0177178 - M.0177179;
MP.0037086; VV.0018296 - VV.0018297**

383. *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang: Khảo cứu/ Nguyễn Văn Hầu.* - H.: Khoa học xã hội, 2020. - 364tr.; 21cm.

**959.7029092 Th404N/M.0177198 - M.0177199;
MP.0037099 - MP.0037100; VN.0081984 - VN.0081985**

384. *Thời chiến trận/ Huỳnh Tiên Phong.* - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 223tr.; 21cm.

**959.7043 Th462C/LC.0015492 - LC.0015493;
M.0177432 - M.0177433; MP.0037344; VN.0082130 -
VN.0082131**

**385. Văn hóa Hòa Bình và văn hóa Bắc Sơn ở miền núi
Đông Bắc Việt Nam/ Trình Năng Chung chủ biên. - H.: Khoa
học xã hội, 2020. - 569tr.; 21cm.**

**959.7 V115H/MP.0037571; VN.0082252 -
VN.0082253**

**386. Việt Nam thế kỷ XVII: Những góc nhìn từ bên ngoài
(Christoforo Borri về Đàng Trong và Samuel Barron về Đàng
Ngoài)/ Olga Dror, K. W. Taylor; Hoàng Tịnh Thủy dịch. - Đà
Nẵng: Nxb. Đà Nẵng, 2020. - 621tr.; 21cm.**

**959.70272 V308N/M.0177200 - M.0177201;
MP.0037101 - MP.0037102; VN.0081986 - VN.0081987**

**387. 100 điều nên biết về Cách mạng Tháng Tám 1945/ Hà
Nguyễn. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 298tr.; 21cm.**

**959.704 M458T/M.0177164 - M.0177165;
MP.0037073 - MP.0037074; VN.0081976 - VN.0081977**

**388. 100 điều nên biết về Đại thắng mùa Xuân 1975/ Hà
Nguyễn. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 299tr.; 21cm.**

**959.7043 M458T/M.0177166 - M.0177167;
MP.0037075 - MP.0037076; VN.0081978 - VN.0081979**

**389. 100 năm bản "Yêu sách của nhân dân An Nam"
(18/6/1919 - 18/6/2019). - H.: Chính trị quốc gia, 2019. -
287tr.; 24cm.**

959.703 M458T/VV.0018408

390. 5 đường mòn Hồ Chí Minh/ Đặng Phong. - H.: Thông tin và truyền thông, 2020. - 332tr.; 24cm.

959.704 N114Đ/M.0177176 - M.0177177;

MP.0037084 - MP.0037085; VV.0018294 - VV.0018295

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

1. Cẩm nang hướng dẫn hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới trong Quân đội/ Biên soạn: Phùng Thị Phú, Phan Ái Xuân, Vũ Thị Hồng Minh. - H.: Quân đội nhân dân, 2021. - 222tr.; 24cm.

305.4209597 C120N/LCV.0002661 - LCV.0002662; M.0179455 - M.0179456; MP.0039057; VV.0018947 - VV.0018948

Nhằm cung cấp thông tin các chính sách pháp luật về bình đẳng giới và hệ thống quản lý Nhà nước về bình đẳng giới, hệ thống tổ chức của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp nói chung và của Bộ Quốc phòng nói riêng; đồng thời giúp cho các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng; Các học viện, nhà trường và các cán bộ, chiến sĩ trong Quân đội nắm được những vấn đề cơ bản về bình đẳng giới, những quy định, hướng dẫn trong việc thực hiện công tác bình đẳng giới. Nội dung cuốn sách có chín phần chính, gồm:

Phần I. Đảng Cộng sản Việt Nam với bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ;

Phần II. Một số vấn đề cơ bản về bình đẳng giới;

Phần III. Kỹ năng tham mưu công tác bình đẳng giới;

Phần IV. Kỹ năng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;

Phần V. Quản lý nhà nước về bình đẳng giới;

Phần VI. Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp trong Quân đội;

Phần VII. Thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó, xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới trước thách thức của an ninh phi truyền thống;

Phần VIII. Một số quy định về điều kiện nghỉ hưu đối với người lao động, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng;

Phần IX. Hệ thống các văn bản hiện hành và một số hướng dẫn thực hiện công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới.

2. Biên niên sự kiện Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ Nguyễn Mạnh Hà chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021; 24cm.

Bộ sách gồm 7 tập, góp phần tái hiện quá trình ra đời và lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổng hợp các sự kiện lịch sử tiêu biểu, phản ánh toàn diện sự lãnh đạo của Đảng qua các giai đoạn cách mạng, từ khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền bá vào phong trào công nhân, phong trào yêu nước, chuẩn bị và chủ trì hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đến năm 2010.

T.1: 1930 - 9/1945. - 607tr.

**324.2597075 B305N/M.0179291 - M.0179292;
VV.0018856, VV.0018910**

Những sự kiện tiêu biểu của lịch sử Đảng, phản ánh quá trình Nguyễn Tất Thành đi tìm đường cứu nước, sự tiếp thu, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào yêu nước và phong trào công nhân ở Việt Nam và Đông Dương; làm rõ quá trình phát triển của giai cấp công nhân, phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trong thời kỳ vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đến khi Cách mạng Tháng Tám thành công.

T.2: 9/1945 - 7/1954. - 757tr.

**324.2597075 B305N/M.0179289 - M.0179290;
VV.0018855, VV.0018909**

Các sự kiện tiêu biểu của lịch sử Đảng từ khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời cho đến chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu, buộc thực dân Pháp ký hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đây là một giai đoạn lịch sử vô cùng cam go và khốc liệt của dân tộc.

T.3: 8/1954 – 1964. - 664tr.

**324.2597075 B305N/M.0179287 - M.0179288;
VV.0018854, VV.0018908**

Phản ánh quá trình Đảng lãnh đạo trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt quan trọng, thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ cách mạng ở hai miền, chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù hùng mạnh nhất thế giới. Đây cũng là giai đoạn miền Bắc khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu xây dựng CNXH ở miền Nam, cuộc đấu tranh diễn ra vô cùng gay go, ác liệt.

T.4: 1965 - 4/1975. - 621tr.

**324.2597075 B305N/M.0179285 - M.0179286;
VV.0018853, VV.0018907**

Gồm các sự kiện tiêu biểu trong lịch sử Đảng từ tháng 1/1965 đến tháng 4/1975, phản ánh quá trình đảng đề ra đường lối, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân hai miền Nam - Bắc đánh bại các chiến lược "Chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hóa chiến tranh"; buộc đế quốc Mỹ từng bước xuống thang chiến tranh, ngồi vào bàn đàm phán ký hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam ngày 27/1/1973.

T.5: 5/1975 -11/1986. - 700tr.

324.2597075 B305N/M.0179283 - M.0179284;

VV.0018852, VV.0018906

Phản ánh đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa được thông qua tại các Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, V của Đảng và quá trình tìm tòi, từng bước đổi mới tư duy lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

T.6: 12/1986 - 2000. - 633tr.

324.2597075 B305N/M.0179281 - M.0179282;

VV.0018851, VV.0018905

Phản ánh đường lối đổi mới của Đảng cộng sản thông qua tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV, và quá trình bổ sung, phát triển đường lối đổi mới của Đảng tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, đặc biệt là Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII; đồng thời làm rõ chủ trương thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng ta tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII.

T.7: 2001 - 2010. - 628tr.

324.2597075 B305N/M.0179279 - M.0179280;

VV.0018850, VV.0018904

Cùng với những sự kiện phản ánh Cương lĩnh, quan điểm, đường lối của Đảng, các sự kiện trong tập 7 phản ánh sự chỉ đạo sáng tạo, linh hoạt của Đảng nhằm phát triển kinh tế nhanh, bền vững; xây dựng và phát triển văn hóa - xã hội, đặc biệt là bảo đảm an sinh xã hội; mở rộng đối ngoại đa phương hóa, đa

dạng hóa, đưa Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới; củng cố quốc phòng - an ninh,...

3. Ngoại giao kinh tế và hoạch định chính sách đối ngoại: Sách tham khảo/ Charles Chatterjee; Ng. dịch: Dương Hồng Hạnh, Nguyễn Mai Thanh. - H.: Chính trị quốc gia sự thật, 2021. - 303tr.; 24cm.

**337 Ng404G/M.0179038 - M.0179039;
MP.0038663 - MP.0038664; VV.0018794 - VV.0018795**

Cuốn sách được kết cấu thành 14 chương đề cập tới nhiều nội dung, vấn đề, trong đó tập trung xác định những nội dung cơ bản của ngoại giao kinh tế và hoạch định chính sách đối ngoại trong một thế giới đang thay đổi nhanh chóng như hiện nay, xem xét bản chất, trọng tâm, các nguyên lý và ranh giới của ngoại giao kinh tế và hoạch định chính sách đối ngoại cũng như sự khác biệt giữa ngoại giao kinh tế và ngoại giao thương mại, xem xét những điểm mới của ngoại giao kinh tế cần thiết cho các thị trường mới nổi. Cuốn sách còn nhấn mạnh các kỹ thuật đàm phán cần thiết cho các nhà ngoại giao để có thể đạt được sự thành công về ngoại giao kinh tế trong bầu không khí ngoại giao hiện nay. Không kém phần quan trọng, cuốn sách thảo luận về cách thức thực hiện ngoại giao kinh tế tại các diễn đàn quốc tế và liên quan tới các hoạt động đầu tư nước ngoài của tư nhân và phân tích vai trò của các tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực ngoại giao kinh tế.

MỤC LỤC

	<i>Lời giới thiệu</i>	3
PHẦN I	DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI	4
000 -	Tổng quát	4
100 -	Triết học và tâm lý học.....	5
200 -	Tôn giáo.....	7
300 -	Khoa học xã hội.....	8
350 -	Hành chính công và khoa học quân sự.....	26
600 -	Công nghệ.....	46
700 -	Nghệ thuật và giải trí.....	53
800 -	Văn học.....	54
900 -	Lịch sử và địa lý.....	71
PHẦN II	ĐIỂM SÁCH	81
1.	Cẩm nang hướng dẫn hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới trong Quân đội...	81
2.	Biên niên sự kiện Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	82
3.	Ngoại giao kinh tế và hoạch định chính sách đối ngoại	85